

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



**ISO 9001-2008**

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH  
LỚP QUẢN TRỊ KINH DOANH TÀI NĂNG**

**Sinh viên : Tô Hoài Anh**

**Người hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo**

**HẢI PHÒNG - 2015**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
TNHH THƯƠNG MẠI CHẤN PHONG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH  
LỚP QUẢN TRỊ KINH DOANH TÀI NĂNG**

**Sinh viên : Tô Hoài Anh**

**Người hướng dẫn: ThS.Trần Thị Thanh Thảo**

**HẢI PHÒNG - 2015**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Tô Hoài Anh

Mã SV: 1112401051

Lớp: QTTN101

Ngành: Quản trị kinh doanh

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả  
kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Khái quát cơ sở lý luận về kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
- Mô tả chi tiết thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.
- Nhận xét ưu nhược điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị từ đó đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói trên.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, sổ sách kế toán liên quan đến kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong đơn vị.
- Kỳ lấy số liệu: năm 2013 hoặc 2014

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

**Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong**

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: **Trần Thị Thanh Thảo**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị: .....

Cơ quan công tác: .....

Nội dung hướng dẫn: .....

.....

.....

.....

.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 01 tháng 06 năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 07 năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Tô Hoài Anh

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

Trần Thị Thanh Thảo

***Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2015***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị***

## PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

### 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Sinh viên Tô Hoài Anh trong quá trình làm khóa luận chấp hành tốt các quy định của giáo viên hướng dẫn về thời gian cũng như nội dung yêu cầu của bài viết.
- Có tinh thần nghiên cứu nghiêm túc, ham học hỏi đặc biệt là những vấn đề liên quan đến nội dung của bài viết.
- Chăm chỉ, có tinh thần cầu tiến

### 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Chương 1: khái quát được những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo QĐ 48.
- Chương 2: Mô tả chi tiết thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Chấn Phong. Số liệu bảng biểu phong phú, khá logic.
- Chương 3: Đưa ra được ưu nhược điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Chấn Phong. Từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói trên tại công ty Chấn Phong, các ý kiến đưa ra phù hợp với thực trạng của công ty hiện nay.

### 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số:.....

Bằng chữ:.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2015

**Cán bộ hướng dẫn**

(Ký và ghi rõ họ tên)

# MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ</b> .....	2
1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ .....	2
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .....	2
1.1.2 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ .....	3
1.1.3 Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	3
1.2 NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ .....	9
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu .....	9
1.2.2 Kế toán giá vốn bán hàng .....	14
1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính .....	19
1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	22
1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	24
1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	26
1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ .....	28
1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung .....	28
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái .....	29
1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ .....	31
1.3.4 Hình thức kế toán trên Máy vi tính .....	32
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHẤN PHONG</b> .....	33
2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI .....	33

CHẤN PHONG .....	33
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển .....	33
2.1.2 Những nét cơ bản về các hoạt động chủ yếu của công ty .....	33
2.1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý .....	41
2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong..	41
2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHẤN PHONG .....	43
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty .....	43
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán .....	52
2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính .....	63
2.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	68
2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	75
2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	75
<b>CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHẤN PHONG .....</b>	<b>84</b>
3.1 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, .....	84
3.1.1 Ưu điểm .....	84
3.1.2 Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty .....	85
3.2 MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHẤN PHONG .....	86
3.2.1 Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty .....	86
3.2.2 Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh .....	86
3.2.3 Nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh .....	87
3.2.4 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh .....	87
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>99</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>100</b>



## LỜI MỞ ĐẦU

Xã hội ngày càng hiện đại, đô thị hóa nông thôn ngày một tăng, các vật liệu, dụng cụ phục vụ cho các ngành công nghiệp phát triển đã trở thành mặt hàng không thể thiếu. Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong là một trong những Công ty cung cấp vật tư cho thị trường Hải Phòng hoạt động trong nhiều năm qua, hiện nay đã dần phân phối sản phẩm rộng trên khắp miền Bắc.

Hiện nay, kế toán là công cụ quan trọng phục vụ cho việc quản lý nền kinh tế cả về mặt vi mô và vĩ mô. Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong em đặc biệt quan tâm đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, xác định và phân phối kết quả kinh doanh của công ty nên em chọn đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong” cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận của em gồm ba chương:

- \* **Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**
- \* **Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong.**
- \* **Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong.**

Mặc dù đã cố gắng tìm hiểu và nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của ban giám đốc, cán bộ nhân viên phòng kế toán cùng sự chỉ bảo của cô giáo –

**Ths. Trần Thị Thanh Thảo**, em đã nắm bắt được phần nào tình hình thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong. Tuy nhiên do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

## **CHƯƠNG 1**

# **LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ**

## **1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ**

### **1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái xuất đơn cũng như tái xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện được các nghĩa vụ đối với đất nước, tham gia liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong nước cũng như ngoài nước.

Đồng thời doanh nghiệp luôn quan tâm đến các khoản chi phí, bởi vì nếu chi phí không hợp lý, không đúng với bản chất của nó, đều gây ra những khó khăn trong quản lý và có thể làm giảm lợi nhuận trong doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí của doanh nghiệp từ đó đưa ra các quyết định chi tiêu một cách hợp lý cho hiệu quả cao.

Dựa trên doanh thu đạt được và chi phí bỏ ra, doanh nghiệp phản ánh đúng đắn kết quả kinh doanh, có như vậy doanh nghiệp mới biết được tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của mình và biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối cho từng hoạt động của doanh nghiệp.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh giúp cho ban lãnh đạo nắm bắt được tình hình tiêu thụ, thu hồi các khoản phải thu của khách hàng, nắm bắt được kết quả kinh doanh của kỳ, đưa ra phương hướng, kết hoạch cho kỳ tới. Chính vì thế làm tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ quyết định sự thành bại của doanh nghiệp.

### **1.1.2 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ**

Để phát huy được vai trò của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí.
- Tính toán phản ánh chính xác, kịp thời tổng giá trị thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, khách hàng, đơn vị trực thuộc.
- Ghi chép, theo dõi, phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập phát sinh trong kỳ.
- Lập báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời, cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để tăng lợi nhuận.

### **1.1.3 Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

#### **1.1.3.1 Doanh thu**

##### **Khái niệm**

Doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn của chủ sở hữu.

## Các loại doanh thu

### *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...) nếu có.

- Theo chuẩn mực kế toán số 14' doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng

+ *Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp*: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

+ *Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý*: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

+ *Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng*: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

+ *Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp*: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả quá trình mua bán, cung cấp dịch vụ hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả đó được xác định khi thỏa mãn cả 4 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính.
- + Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### ***Doanh thu bán hàng nội bộ***

Doanh thu bán hàng nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ hoạt động bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty tính theo giá bán nội bộ.

### ***Các khoản giảm trừ doanh thu***

- *Chiết khấu thương mại*: là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.
- *Giảm giá hàng bán*: là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- *Hàng bán bị trả lại*: là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.
- *Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp)*: thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.
- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản thu tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:
  - + Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó
  - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

### ***Thu nhập khác***

Theo chuẩn mực kế toán số 14, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

#### ***1.1.3.2 Chi phí***

##### **Khái niệm**

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

##### **Các loại chi phí**

**Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hóa đơn đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Căn cứ theo chuẩn mực kế toán 02 “hàng tồn kho” có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

- + **Phương pháp bình quân gia quyền:** giá trị của từng loại hàng tồn được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị hàng tồn kho tương tự được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của mỗi doanh nghiệp.

+ *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*: áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

+ *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)*: áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

+ *Phương pháp tính theo giá đích danh*: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

**Chi phí quản lý kinh doanh**: là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành,... Và các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp,...

**Chi phí hoạt động tài chính**: là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn,...

**Chi phí khác**: là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**: là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

- *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận từ năm trước.

**1.1.3.3 Xác định kết quả kinh doanh**

- Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

+ *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý kinh doanh.

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận} & & \text{Doanh thu} & & \text{Chi phí} \\ \text{thuần từ} & & \text{bán hàng} & & \text{quản lý} \\ \text{hoạt động} & = & \text{và cung} & - & \text{kinh} \\ \text{sản xuất} & & \text{cấp dịch vụ} & - & \text{doanh} \end{matrix}$$

+ *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận tài} & & \text{Doanh thu hoạt động} & & \text{Chi phí tài chính} \\ \text{chính} & - & \text{tài chính} & - & \end{matrix}$$

+ *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản doanh thu khác và các khoản chi phí khác

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận hoạt} & & \text{Doanh thu hoạt động} & & \text{Chi phí hoạt động} \\ \text{động khác} & - & \text{khác} & - & \text{khác} \end{matrix}$$

+ *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.



$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \\ \text{kế toán trước} & = & \text{từ hoạt} & + & \text{hoạt động tài} & + & \text{Lợi nhuận} \\ \text{thuế} & & \text{động SXKD} & & \text{chính} & & \text{khác} \end{array}$$

+ *Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccc} \text{Thuế TNDN} & = & \text{Tổng lợi nhuận kế toán} \\ \text{phải nộp} & & \text{trước thuế} \end{array} \times \begin{array}{c} \text{Thuế suất thuế} \\ \text{TNDN} \end{array}$$

+ *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccc} \text{Lợi nhuận sau} & - & \text{Tổng lợi nhuận kế} \\ \text{thuế TNDN} & & \text{toán trước thuế} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Thuế TNDN phải} \\ \text{nộp} \end{array}$$

## 1.2 NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

### 1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

#### 1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại

#### 1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

**Tài khoản 511** – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

+ Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

+ Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã được thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như dịch vụ vận tải, du lịch,...

- Tài khoản 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tiểu khoản:

- + Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- + Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

### **Kết cấu tài khoản 511**

#### ***Bên Nợ***

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;

- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh”.

#### ***Bên Có***

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

*Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.*

***Tài khoản 521*** – Các khoản giảm trừ doanh thu

- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

- Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tiểu khoản:

- + Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại
- + Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại
- + Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

### **Kết cấu tài khoản 521**

#### ***Bên Nợ***

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng kém phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

#### ***Bên Có***

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

*Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.*

**Tài khoản 333** – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

### **Kết cấu tài khoản 333**

#### ***Bên Nợ***

- Số thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước;
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp;
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

#### ***Bên Có***

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.
- Số dư bên Có: số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Trong trường hợp cá biệt, Tài khoản 333 có thể có số dư bên nợ. Số dư nợ (nếu có) của tài khoản 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và

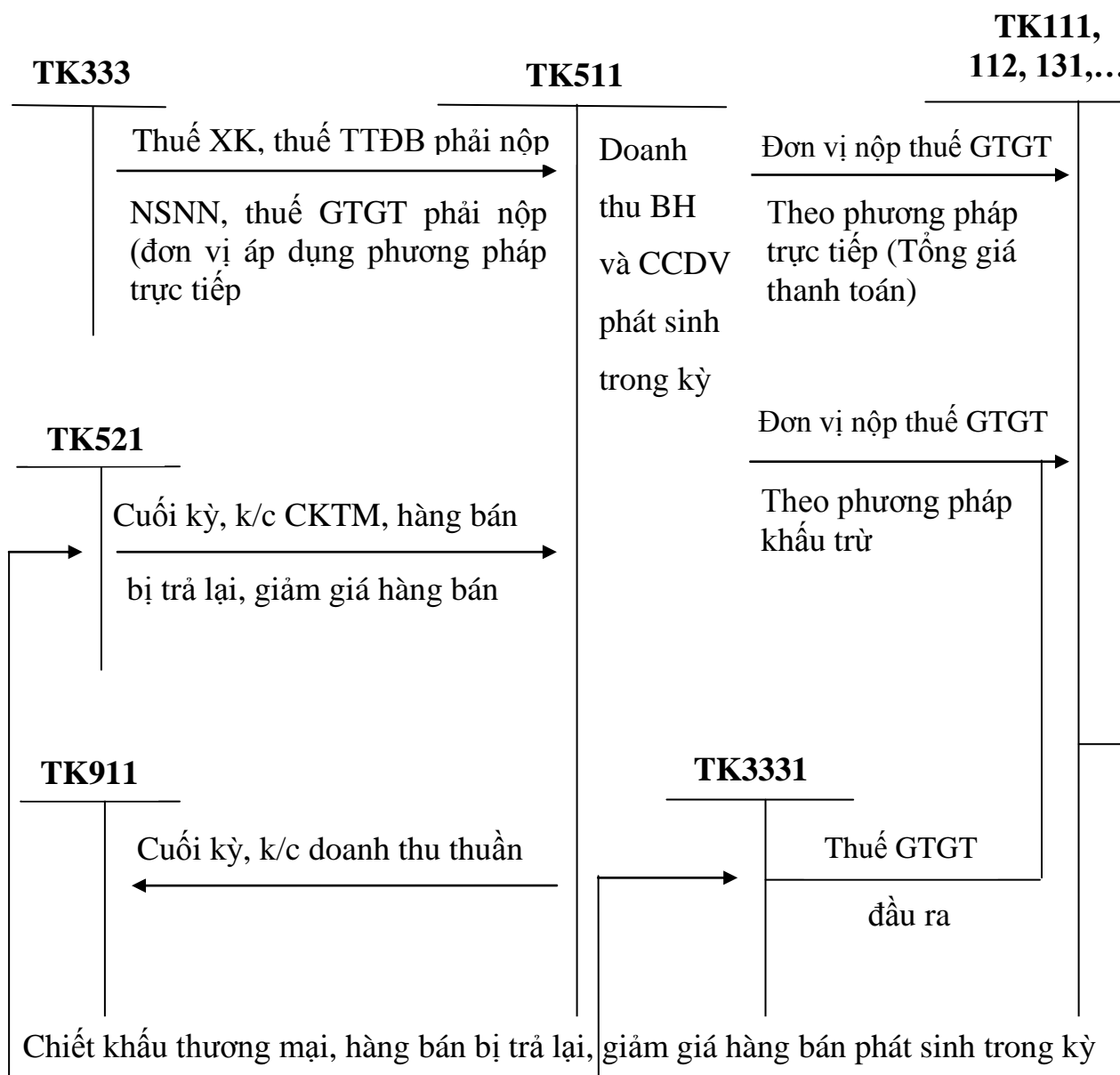
các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.

- Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, có 9 tiểu khoản, trong đó sử dụng 3 tài khoản cấp 2 sau để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.
- + Tài khoản 3331 – Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- + Tài khoản 3332 – Thuế tiêu thu đặc biệt
- + Tài khoản 3333 – Thuế xuất nhập khẩu.

### ***1.2.1.3 Phương pháp hạch toán***

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1 như sau:

**Sơ đồ 1.1: sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu**



## **1.2.2 Kế toán giá vốn bán hàng**

### **1.2.2.1 Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu chi, giấy báo nợ,...

### **1.2.2.2 Tài khoản sử dụng**

**Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán**

- Dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

#### **Kết cấu tài khoản 632**

**\* Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thương xuyên:**

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh phản ánh:

#### ***Bên Nợ***

- + Trị giá vốn của sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa đã bán trong kỳ;
- + Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
- + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- + Chi phí xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

#### ***Bên Có***

- + Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh;
- + Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;

+ Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

+ Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho

*Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.*

\* ***Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:***

- *Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:*

***Bên Nợ:***

+ Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ;

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

***Bên Có:***

+ Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi đi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

+ Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- *Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:*

***Bên Nợ***

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

***Bên Có***

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ Tài khoản 155 “Thành phẩm”;
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

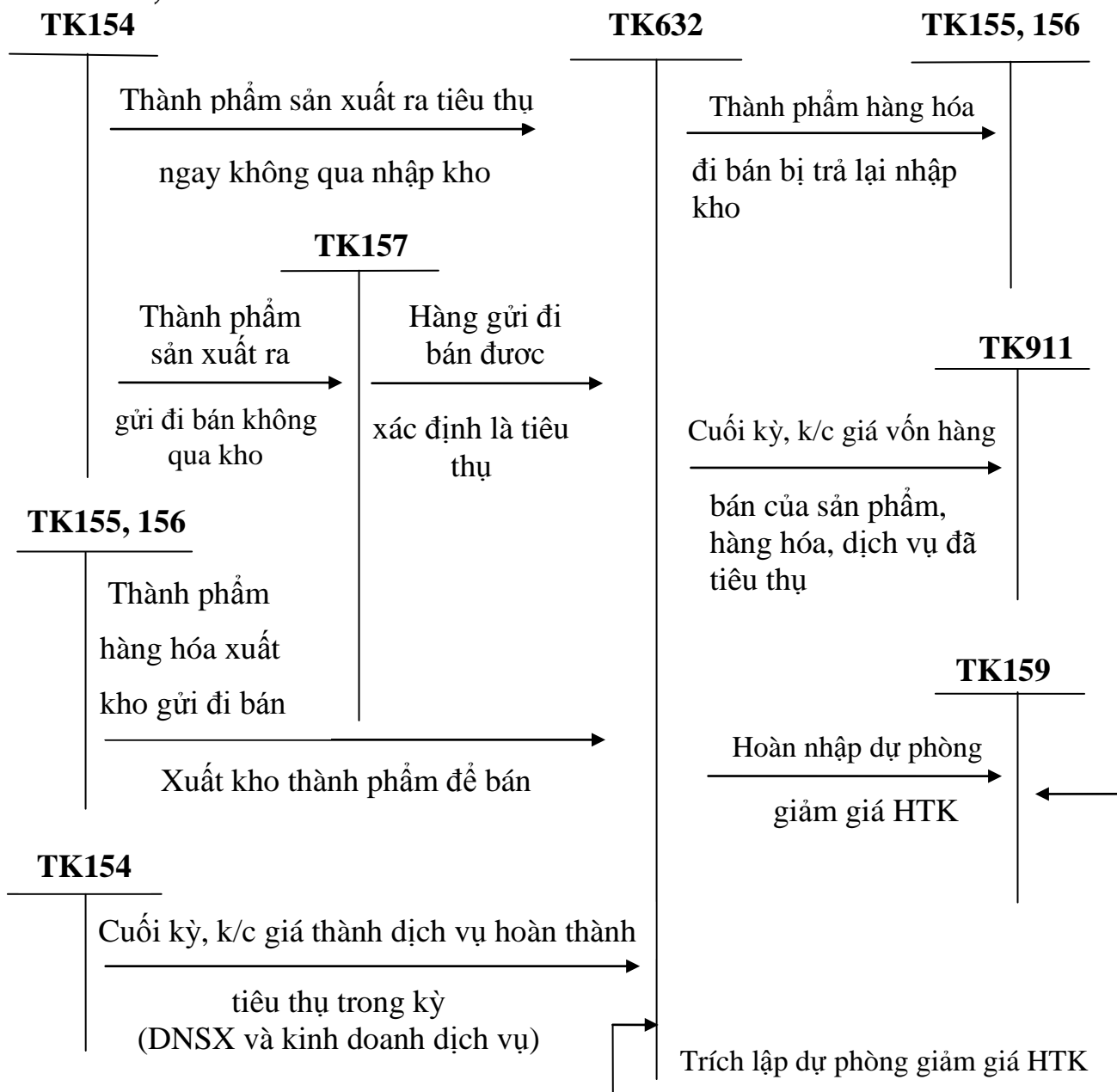
*Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ*

***1.2.2.3 Phương pháp hạch toán***

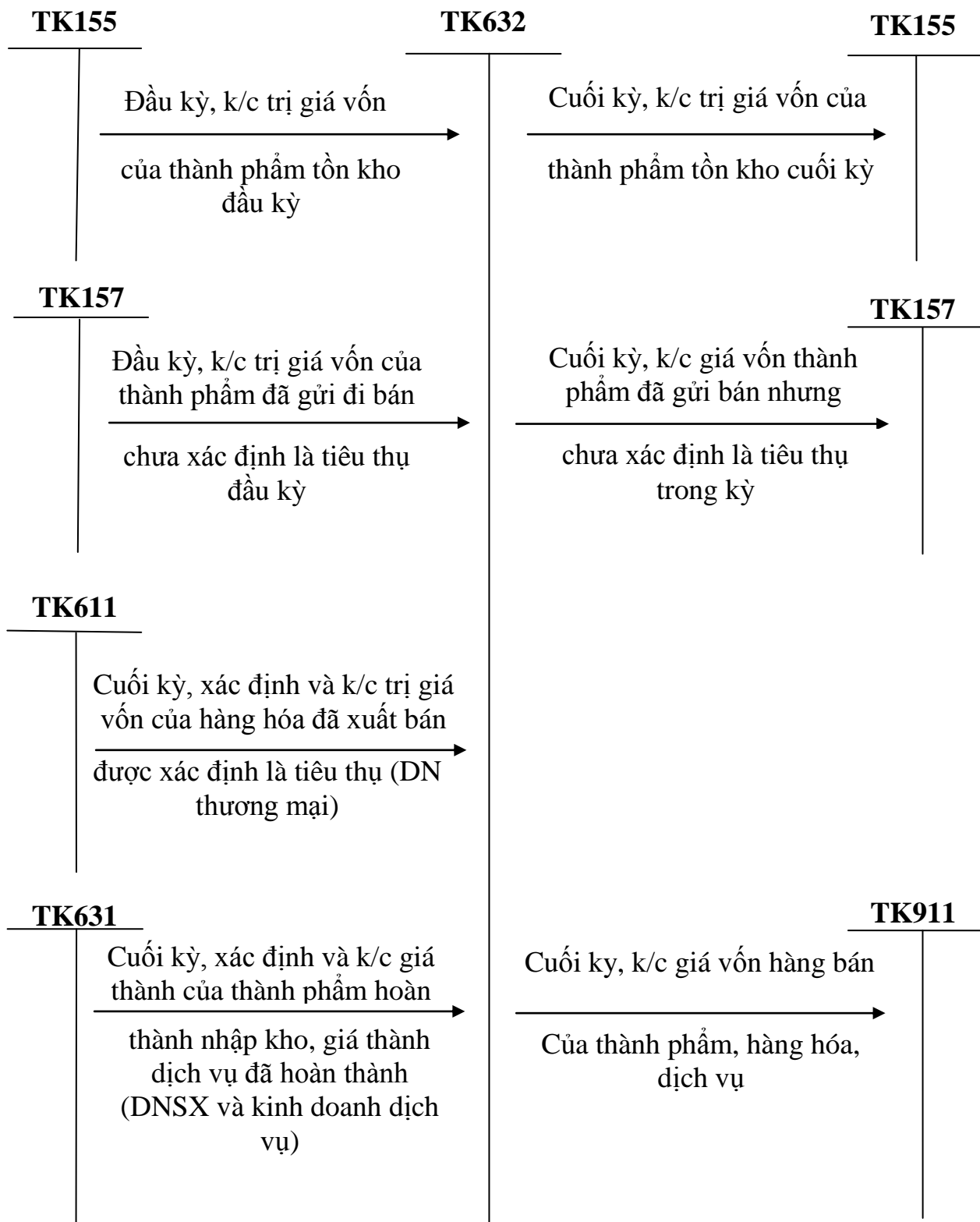
- Phương pháp hạch toán giá vốn bán hàng theo hai phương pháp: phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ được khái quát qua hai sơ đồ 1.2 và sơ đồ 1.3 như sau:



**Sơ đồ 1.2: sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**



**Sơ đồ 1.3: sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**



### **1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

#### **1.2.3.1 Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo có (giấy báo lãi)
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay
- Các chứng từ khác có liên quan

#### **1.2.3.2 Tài khoản sử dụng**

**Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

##### **Kết cấu tài khoản 515**

###### ***Bên Nợ***

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài Khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

###### ***Bên Có***

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ hoạt động của kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

*Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ*

**Tài khoản 635 – Chi phí tài chính****Kết cấu tài khoản 635*****Bên Nợ***

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (lỗ tỷ giá – giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

**➤ *Bên Có***

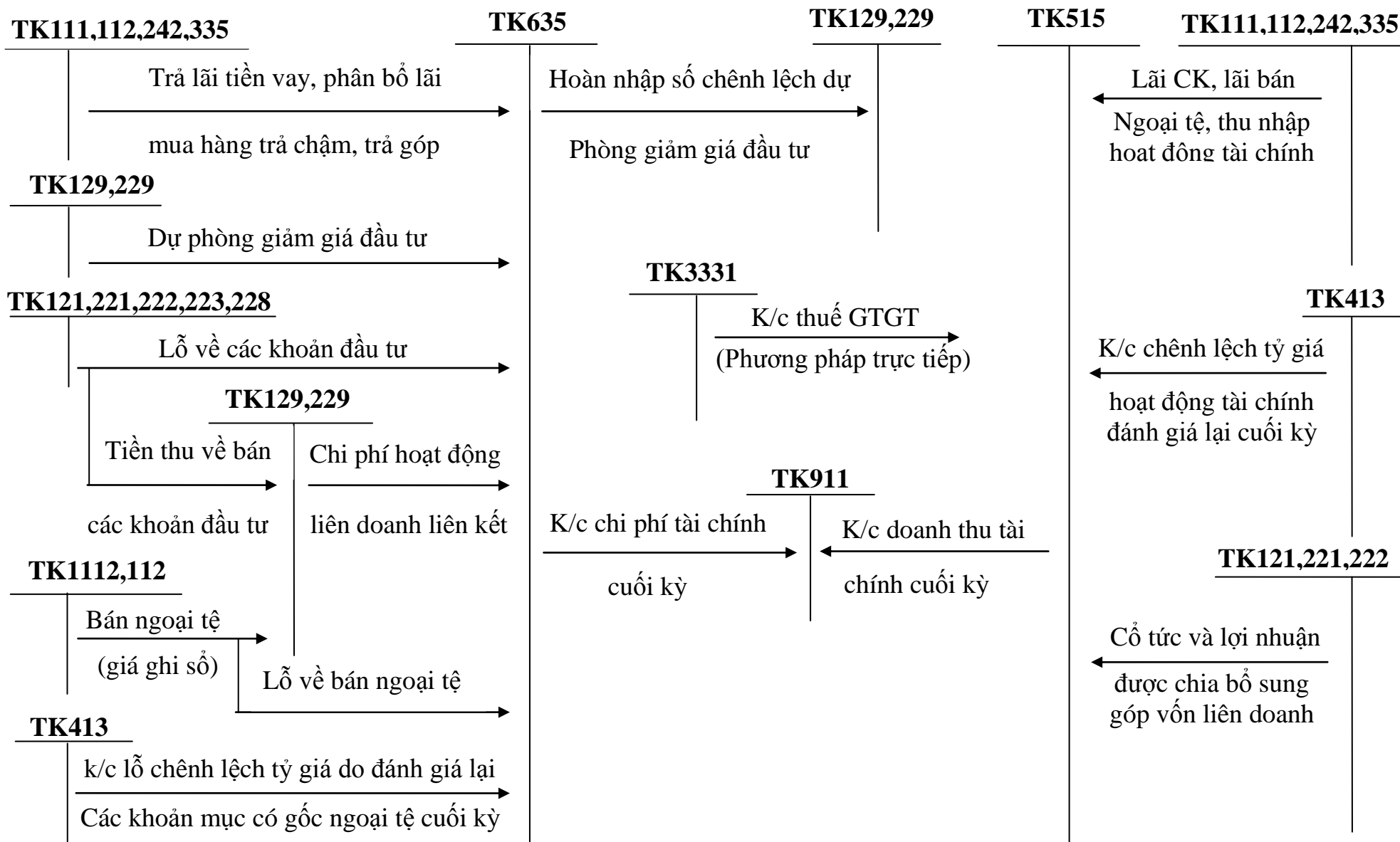
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

*Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ*

**1.2.3.3 Phương pháp hạch toán**

- Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua **sơ đồ 1.4** như sau:

**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**



## **1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

### **1.2.4.1 Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT, Giấy báo nợ, Phiếu chi
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Các chứng từ khác có liên quan

### **1.2.4.2 Tài khoản sử dụng**

**Tài khoản 642** – Chi phí quản lý kinh doanh

#### **Kết cấu tài khoản 642**

##### ***Bên Nợ***

- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

##### ***Bên Có***

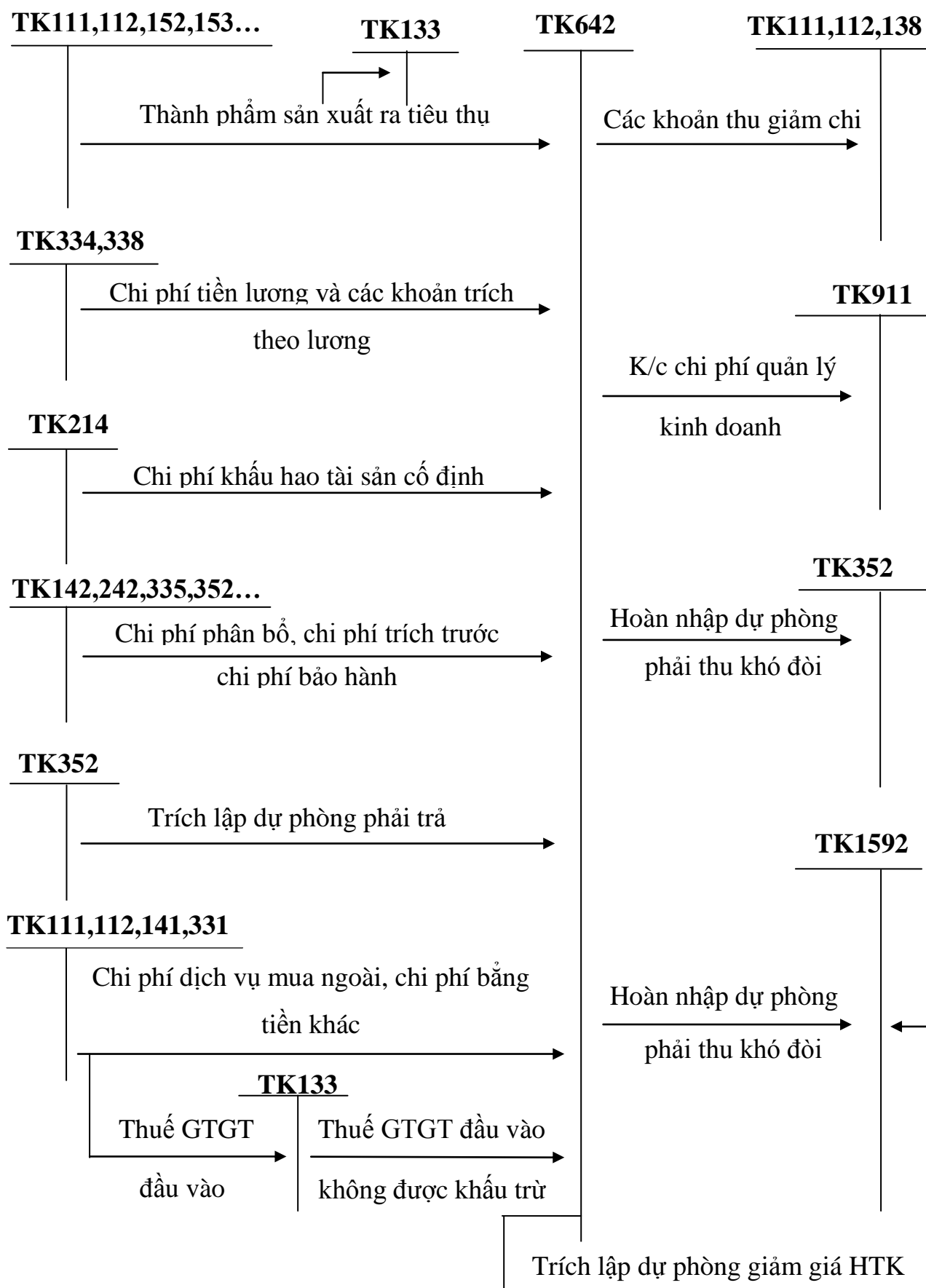
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

*Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.*

### **1.2.4.3 Phương pháp hạch toán**

- Phương pháp hạch toán chi phí kinh doanh được khái quát qua **sơ đồ 1.5** như sau:

**Sơ đồ 1.5: sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh**



## **1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**

### **1.2.5.1 Chứng từ sử dụng**

- Biên bản đánh giá tài sản
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu, phiếu chi

### **1.2.5.2 Tài khoản sử dụng**

**Tài khoản 711** – Thu nhập khác

#### **Kết cấu tài khoản 711**

##### ***Bên Nợ***

- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

##### ***Bên Có***

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

*Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ*

**Tài khoản 811** - Chi phí khác

#### **Kết cấu tài khoản 811**

##### ***Bên Nợ***

- Các khoản chi phí khác phát sinh

##### ***Bên Có***

- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

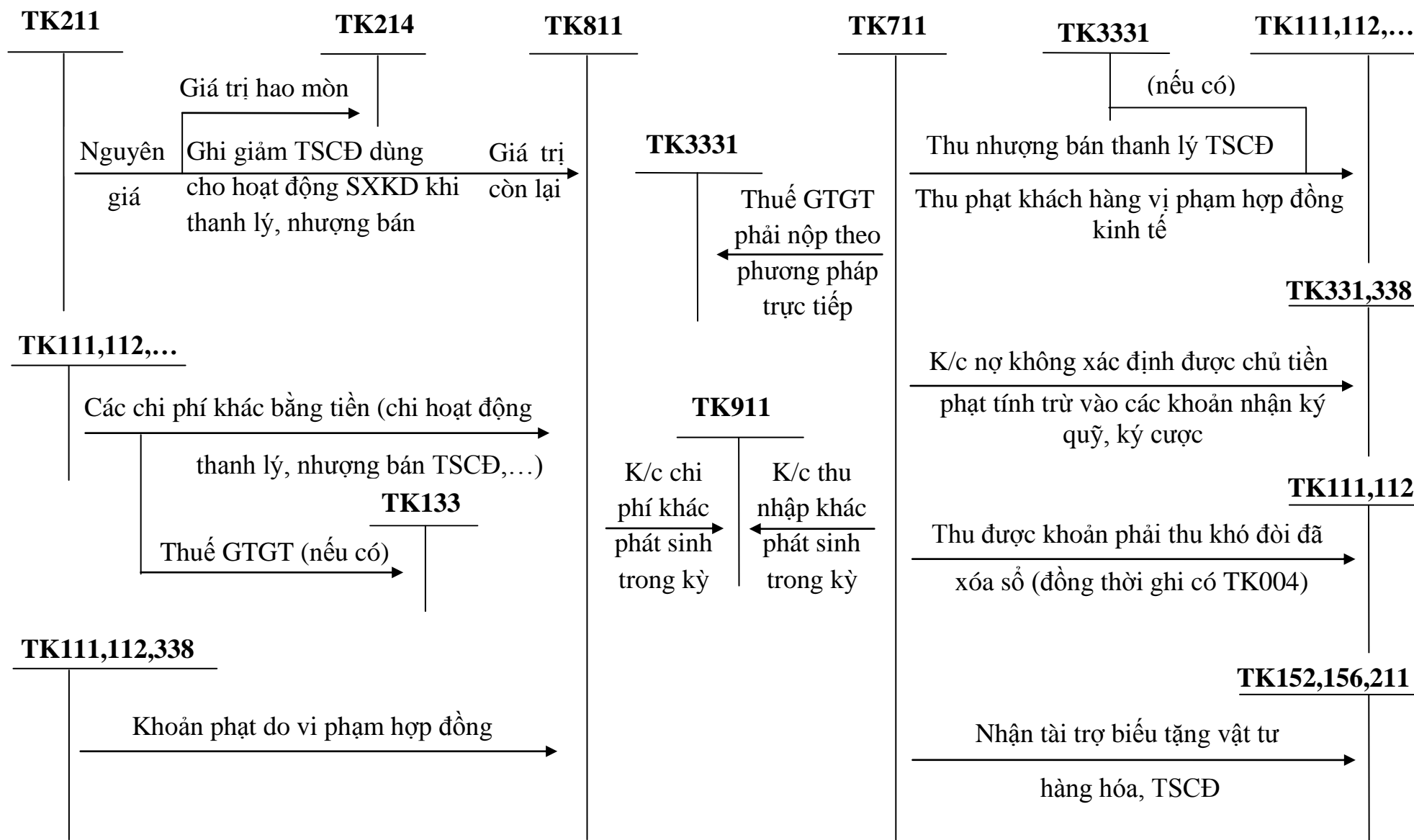
*Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.*

### **1.2.5.3 Phương pháp hạch toán**

- Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua **sơ đồ 1.6** như sau:



**Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác**



## **1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

### **1.2.6.1 Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

### **1.2.6.2 Tài khoản sử dụng**

**Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

#### **Kết cấu tài khoản 911**

##### ***Bên Nợ***

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

##### ***Bên Có***

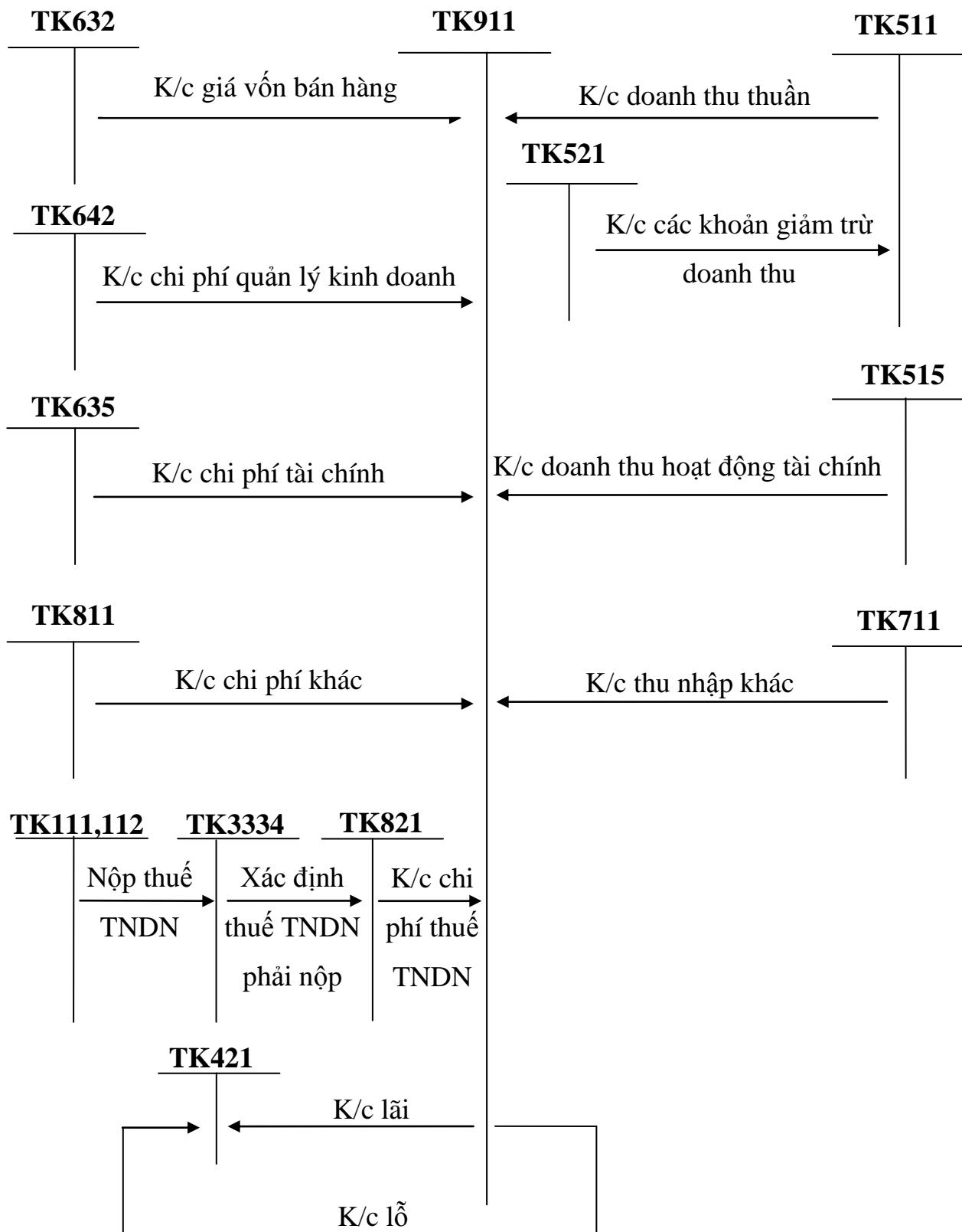
- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

*Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.*

### **1.2.6.3 Phương pháp hạch toán**

- Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát qua **sơ đồ 1.7** như sau:

**Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh**



## **1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ**

Doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 4 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên Máy vi tính

Trong mỗi hình thức, sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

### **1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung**

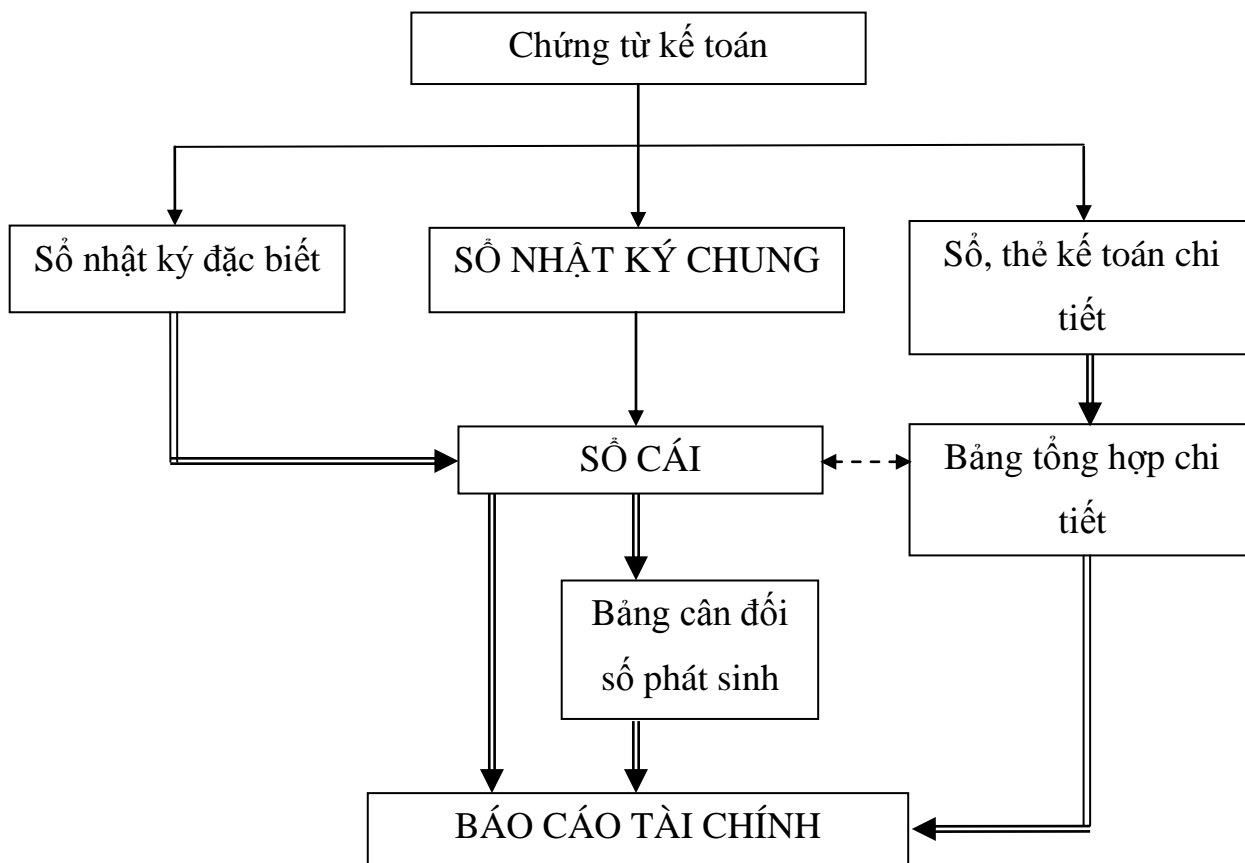
#### **1.3.1.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung**

- Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:
- + Nhật ký chung; sổ Nhật ký đặc biệt
- + Sổ Cái;
- + Sổ, thẻ chi tiết;

#### **1.3.1.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì sau khi ghi sổ Nhật ký chung thì kế toán ghi các sổ chi tiết liên quan.
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

**Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ :  $\Longrightarrow$
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra :  $\longleftrightarrow$

**1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**

**1.3.2.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**

- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ chủ yếu sau:
- + Nhật ký – Sổ cái;
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**1.3.2.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**

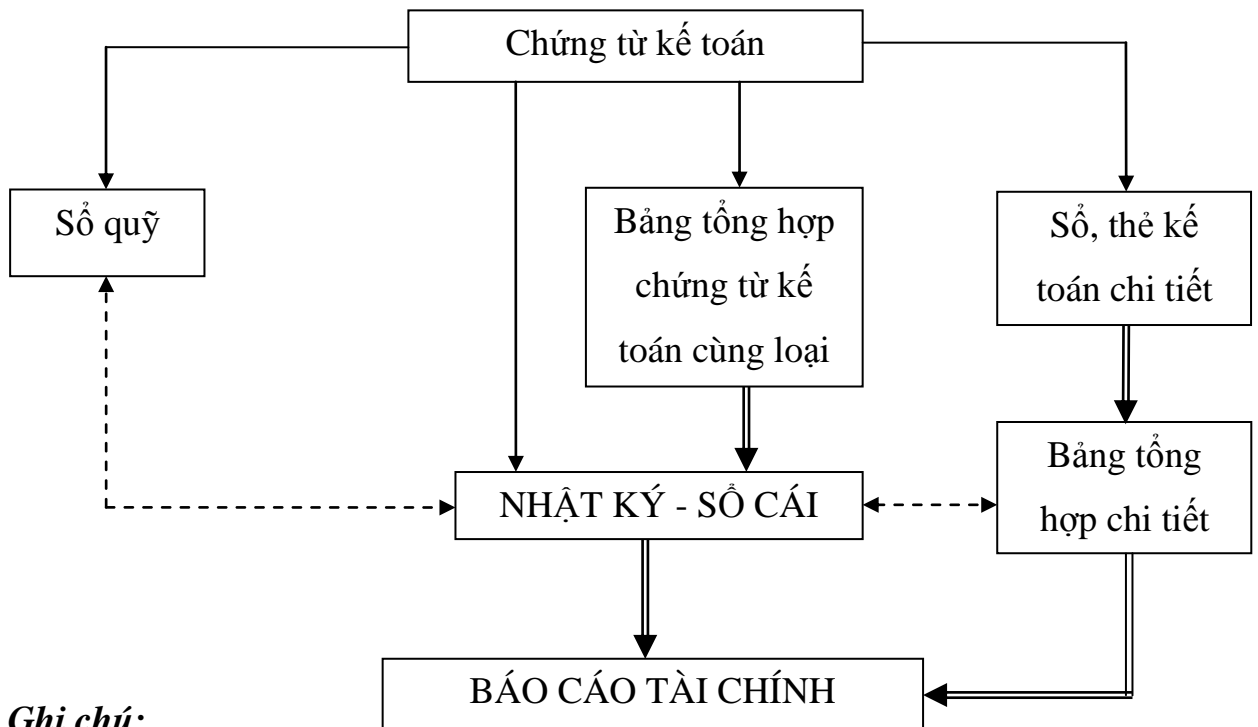
- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả hai phần Nhật ký và phần Sổ cái. Bảng tổng

hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, Phiếu chi, Phiếu xuất, Phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

- Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu ở cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong sổ Nhật ký – Sổ cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

$$\begin{array}{lcl}
 \text{Tổng số tiền của cột} & & \text{Tổng số phát sinh} & & \text{Tổng số phát sinh} \\
 \text{“phát sinh” ở phần} & = & \text{Nợ của tất cả các} & = & \text{Có của tất cả các} \\
 \text{Nhật ký} & & \text{Tài khoản} & & \text{Tài khoản} \\
 \\ 
 \text{Tổng số dư Nợ các Tài khoản} & = & \text{Tổng số dư Có các Tài khoản}
 \end{array}$$

**Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ :  $\Longrightarrow$
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra :  $\longleftrightarrow$

**1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

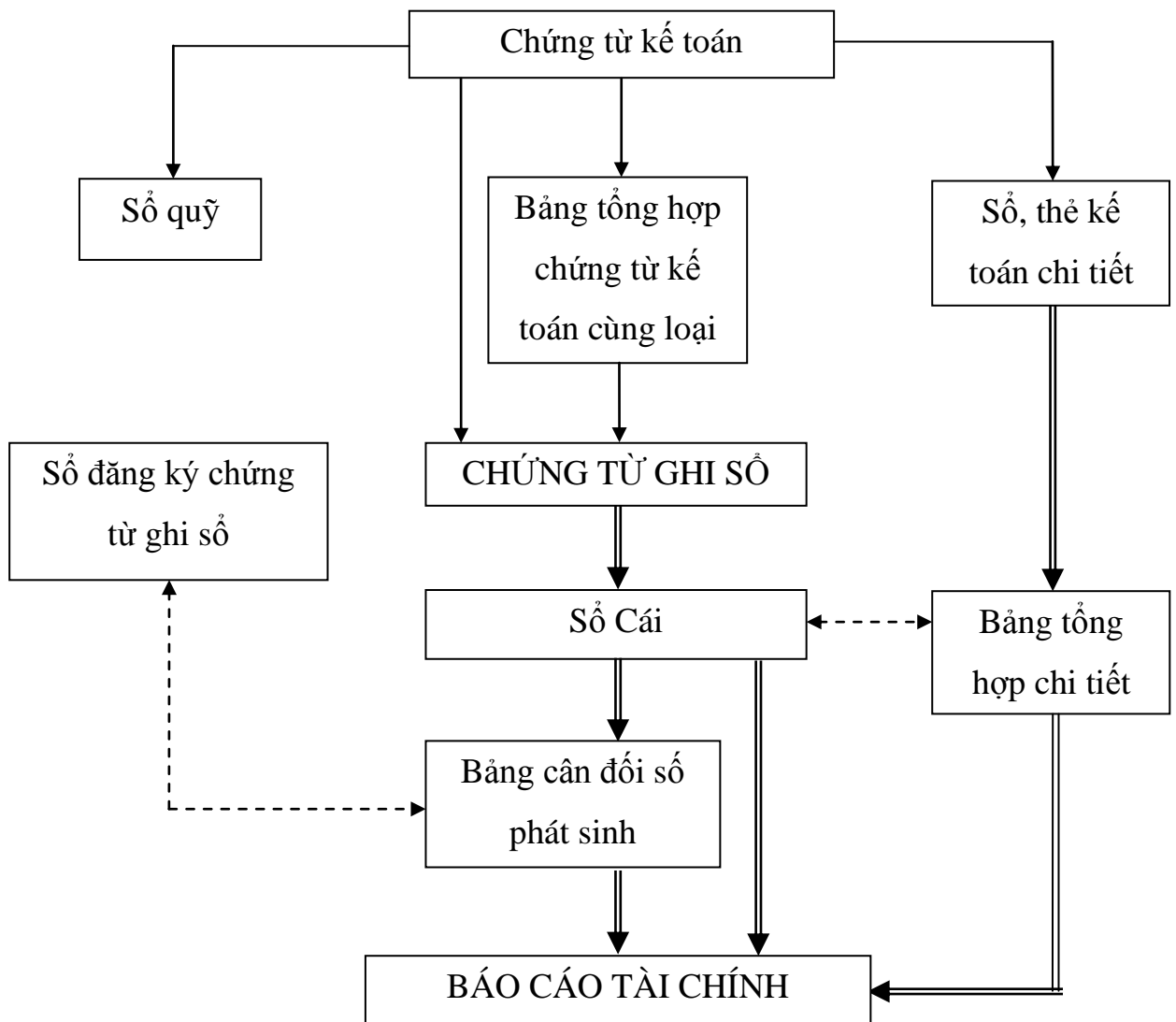
**1.3.3.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau: chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**1.3.3.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào các Sổ Cái. Cuối tháng phải khóa sổ tính ra tổng tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng cân đối số phát sinh.

**Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : <--->

**1.3.4 Hình thức kế toán trên Máy vi tính**

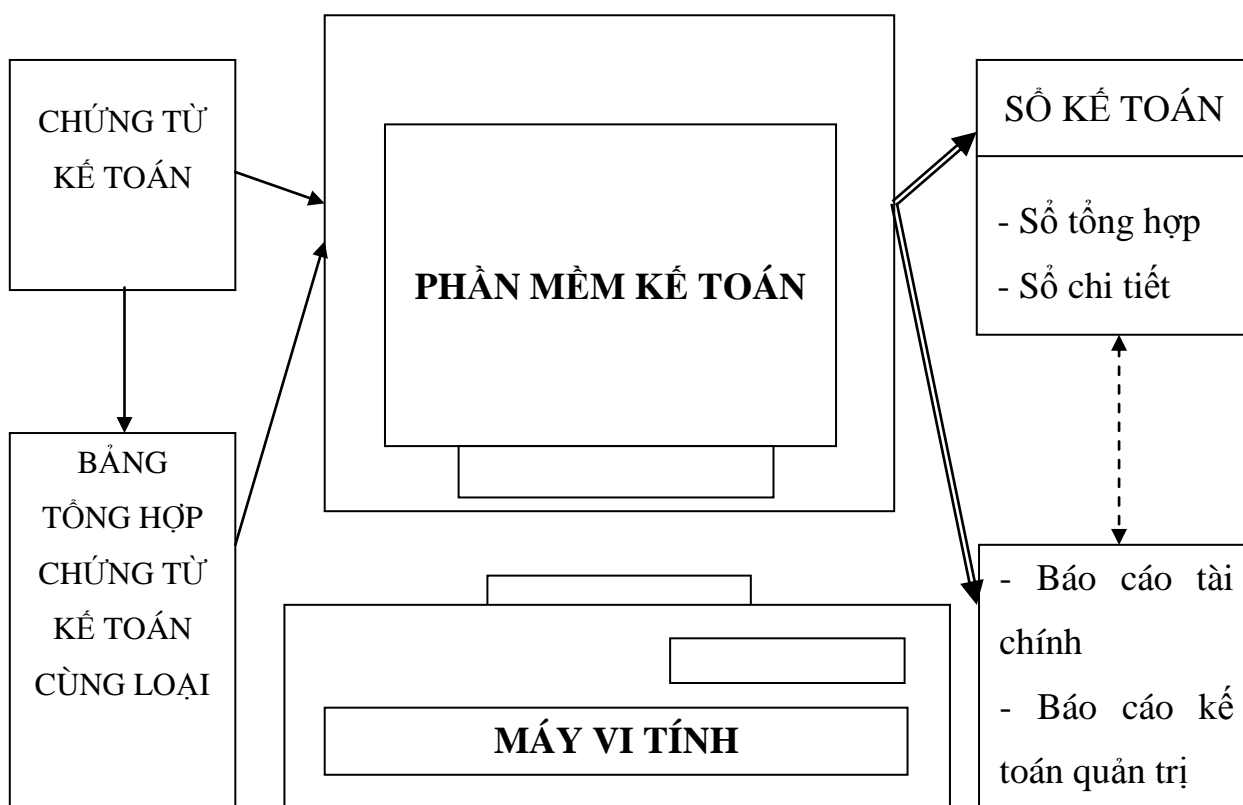
**1.3.4.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính**

- Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

**1.3.4.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính**

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính.

**Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính**





**CHƯƠNG 2**

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHẤN PHONG**

**2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI  
CHẤN PHONG**

**2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển**

- Tên công ty (bằng tiếng Việt): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHẤN PHONG
- Tên công ty (bằng tiếng nước ngoài): CHAN PHONG TRANDING COMPANY LIMITED
- Tên công ty viết tắt: CHAN PHONG TRANDING CO.,LTD
- Địa chỉ trụ sở chính: số 1A Ký Con – Hồng Bàng – Hải Phòng
- Điện thoại: 0313.831.046 Fax: 0313.831.046
- Email: tmchanphong.co@gmail.com Website:
- Ngành nghề kinh doanh:
- + Kinh doanh đá công nghiệp, đá dân dụng, đá mài, đá cắt, vật liệu mài, nhám cuộn, nhám vòng, nhám xếp, keo. Kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị máy công – nông nghiệp, cơ khí, khóa, thiết bị ngành may, phụ liệu may mặc.
- + Đại lí, mua bán, ký gửi hàng hóa.
- Vốn điều lệ: 500.000.000 đồng.
- Đăng ký kinh doanh số: 0202002380 ngày 05 tháng 01 năm 2005

**2.1.2 Những nét cơ bản về các hoạt động chủ yếu của công ty**

**2.1.2.1 Quản trị nhân sự**

- Danh sách nhân viên trong công ty

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Phạm Thu Thủy	Giám đốc
2	Hoàng Đức Long	Nhân viên bán hàng
3	Đoàn Thị Tươi	Nhân viên kế toán

- Hiện tại giám đốc công ty là người trực tiếp phụ trách và đảm nhiệm công việc kinh doanh của công ty tại cửa hàng số 1A Ký Con. Đối với cửa hàng số 78 Tôn Đản là chị gái của giám đốc. Bên cạnh còn có sự trợ giúp của những người trong gia đình (bố, mẹ giám đốc).
- Tuy đã hoạt động được 10 năm trong lĩnh vực thương mại nhưng đến nay Công ty TNHH TM Chân Phong vẫn chưa có một cơ cấu tổ chức thật sự hoàn chỉnh.
- Về cơ bản, các công việc của công ty vẫn được tiến hành bình thường. Tuy nhiên, sự phân công việc chủ yếu do giám đốc trực tiếp phân công.

### **2.1.2.2 Hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### ***Chiến lược của công ty:***

***Chiến lược sản phẩm:*** Các sản phẩm do công ty cung cấp đều được công ty cam kết là sản phẩm chính hãng có chất lượng tốt, được lắp đặt từ những thiết bị đạt tiêu chuẩn. Các sản phẩm đều được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

#### ***Chiến lược giá:***

- Công ty cung cấp cho khách hàng các sản phẩm tương đương hoặc tốt hơn các đối thủ cạnh tranh với mức giá hợp lí.
- Công ty luôn có những mặt hàng mà khách hàng cần trong khi các cửa hàng nơi khác lại không có.
- Đối với những khách hàng mua số lượng lớn thì công ty sẽ tiến hành giảm giá hoặc được miễn phí công vận chuyển trong địa bàn Hải Phòng.

***Kênh phân phối:*** ngoài việc khách hàng đến mua hàng tại cửa hàng, khách hàng còn có thể đặt hàng qua điện thoại sau đó đến lấy hoặc công ty sẽ có người giao hàng đến tận nơi.

#### ***Chiến lược xúc tiến:***

- Với chiến lược phát triển công ty theo cả chiều rộng và chiều sâu, công ty luôn đặt vấn đề xây dựng và thực hiện chiến lược cho hoạt động bán hàng lên hàng đầu trong đó chủ yếu tập trung vào các khía cạnh:

- Mở rộng mặt hàng: Bên cạnh sản phẩm truyền thống như: đá mài, đá cắt, keo, giấy ráp,... Chấn Phong đã phân nào đáp ứng nhu cầu vật tư đầu vào cho các ngành cơ khí, nhôm kính, đồ gỗ, inox,... trên địa bàn Hải Phòng.

**2.1.2.3 Tài chính của doanh nghiệp**

*Tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp 2 năm gần đây:*

CHỈ TIÊU	2014	2013
<b>TÀI SẢN</b>		
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>2,220,039,166</b>	<b>2,407,257,411</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	23,623,969	59,706,674
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	160,135,202	203,100,661
IV. Hàng tồn kho	1,878,079,773	1,644,964,149
V. Tài sản ngắn hạn khác	158,200,222	499,485,927
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>2,122,015,757</b>	<b>1,629,356,920</b>
I. Tài sản cố định	2,117,606,413	1,629,356,920
II. Bất động sản đầu tư	0	0
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0
IV. Tài sản dài hạn khác	4,409,344	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>4,342,054,923</b>	<b>4,036,614,331</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>		
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1,885,185,673</b>	<b>2,226,110,754</b>
I. Nợ ngắn hạn	885,185,673	1,156,110,754
II. Nợ dài hạn	1,000,000,000	1,070,000,000
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>2,456,869,250</b>	<b>1,810,503,577</b>
II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>4,342,054,923</b>	<b>4,036,614,331</b>

**TÀI SẢN**

CHỈ TIÊU	2014	2013	Tỷ trọng		Chênh lệch	
			2014	2013	Tiền	Tỷ lệ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>2,220,039,166</b>	<b>2,407,257,411</b>	<b>51.13%</b>	<b>59.64%</b>	<b>(187,218,245)</b>	<b>(8.51%)</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	23,623,969	59,706,674	0.54%	1.48%	(36,082,705)	(0.94%)
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0.00%	0.00%	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	160,135,202	203,100,661	3.69%	5.03%	(42,965,459)	(1.34%)
IV. Hàng tồn kho	1,878,079,773	1,644,964,149	43.25%	40.75%	233,115,624	2.5%
V. Tài sản ngắn hạn khác	158,200,222	499,485,927	3.64%	12.37%	(341,285,705)	(8.37%)
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>2,122,015,757</b>	<b>1,629,356,920</b>	<b>48.87%</b>	<b>40.36%</b>	<b>492,658,837</b>	<b>8.51%</b>
I. Tài sản cố định	2,117,606,413	1,629,356,920	48.77%	40.36%	488,249,493	8.41%
II. Bất động sản đầu tư	0	0	0.00%	0.00%	-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0.00%	0.00%	-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	4,409,344	0	0.10%	0.00%	4,409,344	0.10%
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>4,342,054,923</b>	<b>4,036,614,331</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>(305,440,592)</b>	

***Phân tích và đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp:***

Từ bảng trên ta thấy, tổng tài sản năm 2014 so với năm 2013 của công ty TNHH TM Chấn Phong tăng hơn 300 triệu đồng. Tuy nhiên để đánh giá chính xác tình hình tài chính của doanh nghiệp ta cần đi sâu phân tích các chỉ tiêu.

- Tiền: tiền của doanh nghiệp giảm đáng kể so với năm 2013 là 36,082,705 triệu đồng (0,94%) cho thấy hoạt động kinh doanh của công ty bị thu hẹp.
- Các khoản phải thu ngắn hạn: thực chất là đồng vốn mà doanh nghiệp bị đối tác, khách hàng hay nhà cung cấp chiếm dụng. Khoản phải thu năm 2014 giảm so với 2013 42,965,459 triệu đồng tương đương 1.34% → chứng tỏ vốn của doanh nghiệp bị chiếm dụng và bị ứ đọng giảm.
- Hàng tồn kho: chiếm tỷ trọng cao nhất trong tài sản ngắn hạn. Năm 2014 hàng tồn kho tăng 233,115,624 triệu đồng tương đương 2.5% so với năm 2013. Thông thường, tỷ trọng hàng tồn kho lớn luôn là mối quan ngại ít nhiều với doanh nghiệp, do tính chất tồn lâu, đọng vốn, chi phí tồn kho phát sinh hay nói cách khác, nếu để hàng tồn kho quá lâu thì sẽ làm ảnh hưởng không tốt tới quá trình kinh doanh do DN sẽ phải tốn chi phí dự trữ, chi phí thanh lý hay cải tiến hàng bị lỗi thời và thanh lý hàng hư hỏng. Tuy nhiên, việc không dự trữ đủ hàng tồn kho cũng là một rủi ro vì DN có thể đánh mất những khoản doanh thu bán hàng tiềm năng hoặc thị phần nếu giá tăng cao trong khi DN không còn hàng để bán.
- Tài sản ngắn hạn khác: năm 2014 giảm 341,285,705 triệu đồng tương đương 8.37% so với năm 2013.
- Tài sản cố định: năm 2014 tăng đáng kể so với 2013, tăng 488,249,493 triệu đồng tương đương với 8.41%, là nguyên nhân chính làm cho tài sản của doanh nghiệp tăng cao hơn năm trước.

**NGUỒN VỐN**

STT	CHỈ TIÊU	2014	2013	Tỷ trọng		Chênh lệch	
				2014	2013	Tiền	Tỷ trọng
<b>A</b>	<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1,885,185,673</b>	<b>2,226,110,754</b>	<b>43.42%</b>	<b>55.15%</b>	<b>(340,925,081)</b>	<b>(11.73%)</b>
I	I. Nợ ngắn hạn	885,185,673	1,156,110,754	20.39%	28.64%	(270,925,081)	(8.25%)
II	II. Nợ dài hạn	1,000,000,000	1,070,000,000	23.03%	26.51%	(70,000,000)	(3.48%)
<b>B</b>	<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>2,456,869,250</b>	<b>1,810,503,577</b>	<b>56.58%</b>	<b>44.85%</b>	<b>646,365,673</b>	<b>11.73%</b>
II	II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0	0%	0%	-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>4,342,054,923</b>	<b>4,036,614,331</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>305,440,592</b>	

***Phân tích đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp:***

- Từ bảng trên ta thấy nguồn vốn của doanh nghiệp đã có biến động từ năm 2013 sang năm 2014.

+ Năm 2013, vốn vay của doanh nghiệp lớn hơn vốn chủ sở hữu. Điều này có thể cho ta thấy tình hình vốn của công ty gặp khó khăn, khó có khả năng thanh toán nợ

+ Năm 2014, vốn vay giảm so với 2013 là 340,925,081 triệu đồng tương đương 11.73%. Bên cạnh đó vốn chủ sở hữu tăng lên 646,365,673 triệu đồng ứng với 11.73% so với năm 2013, thể hiện doanh nghiệp có khả năng thanh toán nợ cao hơn 2013. Chứng tỏ công tác sử dụng vốn của doanh nghiệp ngày càng hiệu quả, thể hiện tính chất hiệu quả của việc quản lý và giám đốc ngày càng nhiều kinh nghiệm đưa doanh nghiệp phát triển vững mạnh trong tương lai.

***Phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:***

- Từ báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho thấy doanh thu thuần của doanh nghiệp năm 2014 tăng 384,102,703 triệu đồng so với 2013, đồng thời tổng nguồn vốn và tổng tài sản cũng tăng chứng tỏ quá trình kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2014 hiệu quả hơn nhiều so với 2013.

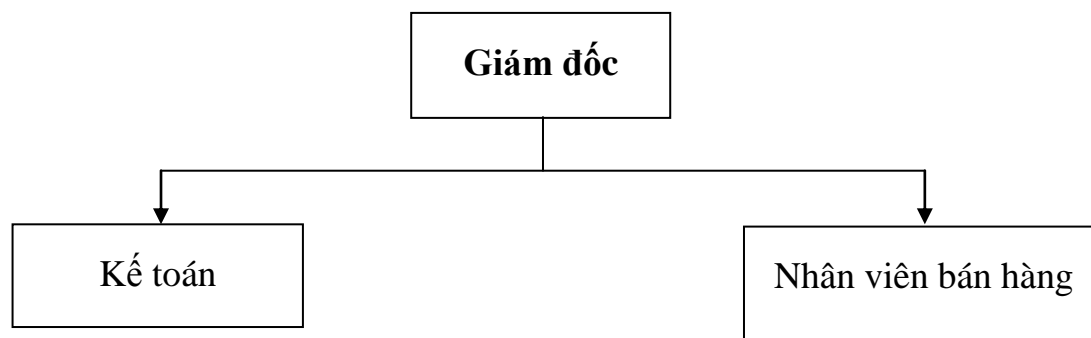
## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	1,332,648,282	948,495,579
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>1,332,648,282</b>	<b>948,495,579</b>
4	Giá vốn hàng bán	11		1,112,761,315	862,268,710
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>219,886,967</b>	<b>86,226,869</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		74,205	119,021
7	Chi phí tài chính	22		0	0
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		171,878,187	178,759,438
<b>9</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)</b>	<b>30</b>		<b>48,082,985</b>	<b>(92,413,548)</b>
10	Thu nhập khác	31		0	0
11	Chi phí khác	32		0	0
<b>12</b>	<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>13</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>	IV.09	<b>48,082,985</b>	<b>(92,413,548)</b>
14	Chi phí thuế TNDN	51		1,717,312	0
<b>15</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>46,365,673</b>	<b>(92,413,548)</b>



### 2.1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

#### Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty



- Chức năng của các bộ phận:

+ Giám đốc công ty: người đứng đầu trong công ty chịu trách nhiệm điều hành hoạt động của công ty. Là người đại diện pháp nhân của công ty, chịu trách nhiệm trước công ty và pháp luật Nhà nước về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Giám đốc là người quản lý có quyền cao nhất trong công ty, có quan hệ liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế khác, mang lại hiệu quả cao cho công ty.

+ Kế toán: quản lý công ty trong lĩnh vực tài chính, kế toán nhằm phục vụ và phản ánh đúng, trung thực nhất năng lực của công ty về tài chính. Đánh giá, tham mưu trong lĩnh vực quản lý cho giám đốc.

+ Nhân viên bán hàng: làm việc tại cửa hàng, có trách nhiệm bán hàng, nhận tiền hàng khi khách đến mua hàng. Ngoài ra nhân viên bán hàng còn tiếp nhận đơn đặt hàng, đóng hàng, giao cho khách khi khách có nhu cầu, chịu sự quản lý trực tiếp của giám đốc.

### 2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong

#### 2.1.4.1 Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty

- Hiện tại Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong chỉ có duy nhất một kế toán kiêm toàn bộ phần hành kế toán trong công ty.

- Chức năng, nhiệm vụ:

+ Cung cấp đầy đủ, toàn diện và chính xác số liệu để giám đốc ra quyết định chỉ đạo, quản lý và điều hành sao cho phù hợp.

- + Thực hiện dự toán thu, chi đầy đủ, đúng hạn các khoản phải nộp thuế, lệ phí thuế theo quy định của pháp luật.
- + Hoàn thiện sổ sách kế toán nộp đúng kỳ hạn.

#### **2.1.4.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty**

- Niên độ kế toán: từ 01/01 đến 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- Kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Tính giá vốn hàng xuất kho: theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ
- Tính và nộp thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ
- Tính khấu hao tài sản cố định: theo phương pháp đường thẳng

#### **2.1.4.3 Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán**

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính.

#### **2.1.4.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán**

Công ty áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”. Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán “Nhật ký chung” là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ Nhật ký chung sau đó từ sổ Nhật ký chung vào Sổ Cái các tài khoản, từ Sổ Cái các tài khoản và Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

Hệ thống sổ kế toán gồm: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái các tài khoản, Sổ chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết.

#### **2.1.4.5 Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính**

Theo quy định hiện hành hệ thống báo cáo tài chính của công ty bao gồm:

- + Bảng cân đối kế toán (B01-DN)
- + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02-DN)
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03-DN)
- + Bản thuyết minh báo cáo tài chính (B09-DN)

## **2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHẤN PHONG**

### **2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty**

#### **2.2.1.1 Đặc điểm doanh thu bán hàng tại công ty**

- Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong đã sử dụng hai phương thức bán hàng chủ yếu: bán buôn, bán lẻ.
- + Bán buôn: là hình thức bán hàng chủ yếu của công ty. Những đối tượng bán buôn thường là các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ.
- + Bán lẻ: là phương thức giúp doanh nghiệp tiêu thụ nhanh hơn. Khách hàng là các cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua vật liệu nhằm đáp ứng trực tiếp nhu cầu của khách hàng.
- Để tạo điều kiện cho khách hàng Công ty sử dụng phương thức thanh toán chủ yếu là thanh toán ngay bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng, ngoài ra còn tạo điều kiện cho khách hàng được thanh toán chậm trả.

#### **2.2.1.2 Chứng từ sử dụng**

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có,...
- Các chứng từ khác có liên quan

#### **2.2.1.3 Tài khoản sử dụng**

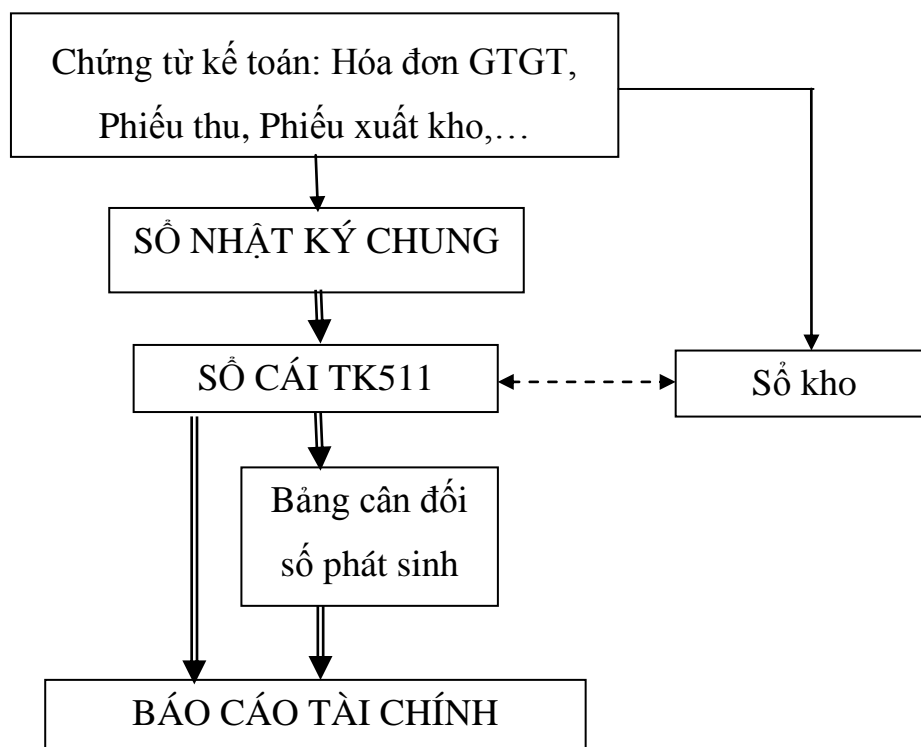
- Tài khoản 156: Hàng hóa
- Tài khoản 3331: Thuế giá trị gia tăng đầu ra
- Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh
- Các tài khoản liên quan khác

#### **2.2.1.4 Quy trình hạch toán**

Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong được khái quát qua **sơ đồ 2.3**.

Khi nhận được đơn đặt hàng, yêu cầu đặt hàng của khách hàng kế toán thông báo cho nhân viên bán hàng chuẩn bị và đóng hàng cho khách. Kế toán kiểm tra lại hàng xem số lượng, chủng loại hàng hóa xem có đúng với yêu cầu hay không. Từ đó kế toán lập hóa đơn giá trị gia tăng bán hàng hóa.

**Sơ đồ 2.2: Quy trình hạch toán doanh thu tại Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày : —————>

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : =====>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : <----->

**2.2.1.5 Ví dụ minh họa**

**Ví dụ 1:** Ngày 15 tháng 01 năm 2014 phát sinh nghiệp vụ bán các loại máy mài và đá mài cho Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng, số tiền 17,925,436 đồng chưa thuế GTGT 10%, trả ngay bằng tiền mặt.

**Ví dụ 2:** Ngày 16 tháng 01 năm 2014 phát sinh nghiệp vụ bán máy mài cho Công ty TNHH đầu tư cơ khí Thái Bình, số tiền 32,633,700 đồng, chưa thuế GTGT 10%, trả bằng chuyển khoản.

**Kế toán tiến hành như sau:**

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0000325 (**biểu số 2.1**), hóa đơn GTGT 0000326 (**biểu số 2.2**), phiếu thu số 18 (**biểu số 2.3**), giấy báo có ngân hàng (**biểu số 2.4**). Kế toán ghi sổ nhật ký chung (**biểu số 2.5**). Từ nhật ký chung vào sổ cái (**biểu số 2.6**). Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

**Biểu 2.1**

<p><b>CỤC THUẾ TP.HẢI PHÒNG</b>  <b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>                  Liên 3: Nội bộ                  Ngày 15 tháng 01 năm 2014</p>				<p>Mẫu số: 01GTKT3/001                  Ký hiệu: CP/11P                  Số: <b>0000325</b></p>	
Đơn vị bán hàng:..... Mã số thuế: ..... Địa chỉ:..... Điện thoại: .....		<p><b>C.TY TNHH TM CHẤN PHONG</b>                  78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng                  MST: 0200609247</p>			
Họ tên người mua hàng: A Thắng ..... Tên đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng ..... Mã số thuế: 0200444027 ..... Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng ..... Hình thức thanh toán: TM ..... Số tài khoản: .....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy khoan G204D	Cái	03	851,434	2,554,302
2	V3 Cn 60 TB1 200.10.32	Viên	03	14,150	42,450
3	V3 Cn 60 TB1 175.8.32	Viên	12	15,882	190,584
4	Vải nhám tờ 3x18	Miếng	60	2,750	165,000
5	Vải nhám tờ 150mm	Miếng	15	9,350	140,250
6	Vải nhám vòng 4x45	Miếng	06	33,000	198,000
7	Hạt mài Cn 46-60	Kg	10	19,485	194,850
8	Máy mài MT954	Cái	10	638,612	6,386,120
9	Máy cắt MT410	Cái	05	862,636	4,313,180
10	Máy mài 9553B	Cái	05	748,140	3,740,700
Cộng tiền hàng:					17,925,436
Thuế suất GTGT: 10 %				Tiền thuế GTGT:	
Tổng cộng tiền thanh toán:					19,717,980
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu, bảy trăm mười bảy ngàn, chín trăm tám mươi đồng./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)			Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)		

**Biểu 2.2**

<p><b>CỤC THUẾ TP.HẢI PHÒNG</b></p> <p><b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b></p> <p>Liên 3: Nội bộ</p> <p>Ngày 16 tháng 01 năm 2014</p>		<p>Mẫu số: 01GTKT3/001</p> <p>Ký hiệu: CP/11P</p> <p>Số: <b>0000326</b></p>			
<p>Đơn vị bán hàng:.....</p> <p>Mã số thuế: .....</p> <p>Địa chỉ:.....</p> <p>Điện thoại: .....</p>		<p style="text-align: center;">C.TY TNHH TM CHẤN PHONG</p> <p style="text-align: center;">78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng</p> <p style="text-align: center;">MST: 0200609247</p>			
<p>Đơn vị bán hàng:.....</p> <p>Mã số thuế: .....</p> <p>Địa chỉ:.....</p> <p>Điện thoại: .....</p>		<p style="text-align: center;">C.TY TNHH TM CHẤN PHONG</p> <p style="text-align: center;">78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng</p> <p style="text-align: center;">MST: 0200609247</p>			
<p>Đơn vị bán hàng:.....</p> <p>Mã số thuế: .....</p> <p>Địa chỉ:.....</p> <p>Điện thoại: .....</p>		<p style="text-align: center;">C.TY TNHH TM CHẤN PHONG</p> <p style="text-align: center;">78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng</p> <p style="text-align: center;">MST: 0200609247</p>			
<p>Họ tên người mua hàng .....</p> <p>Tên đơn vị: Công ty TNHH đầu tư cơ khí Thái Bình .....</p> <p>Mã số thuế: 0201572695 .....</p> <p>Địa chỉ:Tổ Đồng Từ 1 – Phường Phù Liễn – Quận Kiến An – Hải Phòng.....</p> <p>Hình thức thanh toán: CK.....Số tài khoản:.....</p>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy khoan bê tông 65A	Cái	05	489,500	2,447,500
2	Máy mài góc FF02	Cái	10	336,600	3,366,000
3	Máy mài góc FF03	Cái	15	380,600	5,709,000
4	Máy mài góc FF06	Cái	08	433,400	3,467,200
5	Máy mài 9553B	Cái	08	819,500	6,556,000
6	Máy nhám MT921	Cái	10	775,500	7,755,000
7	Máy mài GH 5010	Cái	02	1,666,500	3,333,000
Cộng tiền hàng:					32,633,700
Thuế suất GTGT: 10 %				Tiền thuế GTGT: 3,263,370	
Tổng cộng tiền thanh toán:					35,897,070
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm bảy mươi đồng./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)			Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)		

**Biểu 2.3**

**SỔ KHO**  
Năm 2014

Ngày tháng	Tháng	Số hóa đơn	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Nhập			Xuất		
						SL	Đơn giá	Thành tiền	SL	Đơn giá	Thành tiền
				.....							
15/1/14	1	325	G24D	Máy khoan G204D	Cái				03	851,434	2,554,302
15/1/14	1	325	CN621	V3 Cn 60 TB1 200.10.32	Viên				03	14,150	42,450
15/1/14	1	325	CN6178	V3 Cn 60 TB1 175.8.32	Viên				12	15,882	190,584
15/1/14	1	325	VN31	Vải nhám tờ 3x18	Miếng				60	2,750	165,000
15/1/14	1	325	VN15	Vải nhám tờ 150mm	Miếng				15	9,350	140,250
15/1/14	1	325	NV44	Vải nhám vòng 4x45	Miếng				06	33,000	198,000
15/1/14	1	325	CN46	Hạt mài Cn 46-60	Kg				10	19,485	194,850
15/1/14	1	325	MT954	Máy mài MT954	Cái				10	638,612	6,386,120
15/1/14	1	325	MT41	Máy cắt MT410	Cái				05	862,636	4,313,180
15/1/14	1	325	953B	Máy mài 9553B	Cái				05	748,140	3,740,700
16/1/14	1	326	B65A	Máy khoan bê tông 65A	Cái				05	489,500	2,447,500
16/1/14	1	326	FF02	Máy mài góc FF02	Cái				10	336,600	3,366,000
16/1/14	1	326	FF03	Máy mài góc FF03	Cái				15	380,600	5,709,000
16/1/14	1	326	FF06	Máy mài góc FF06	Cái				08	433,400	3,467,200
16/1/14	1	326	953B	Máy mài 9553B	Cái				08	819,500	6,556,000
16/1/14	1	326	MT921	Máy nhám MT921	Cái				10	775,500	7,755,000
16/1/14	1	326	GH51	Máy mài GH 5010	Cái				02	1,666,500	3,333,000
				.....							
				<b>Tổng</b>							<b>1,332,648,282</b>

**Biểu 2.4**  
**Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Chân Phong**  
**78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng**

Mẫu số 01 – TT  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU THU**

Số: 18

*Ngày 15 tháng 01 năm 2014*

Nợ TK111 : 19,717,980

Có TK 511 : 17,925,436

Có TK 3331 : 1,792,544

**Họ và tên người nộp tiền:** Nguyễn Quang Thắng

**Địa chỉ:** 56 Trường Chinh – Phường Lãm Hà – Quận Kiến An – Hải Phòng

**Lý do thu:** Thu tiền hàng HĐ 0000325 ngày 15/01/2014

**Số tiền: 19,717,980** (*Viết bằng chữ*): Mười chín triệu, bảy trăm mười bảy ngàn, chín trăm tám mươi đồng./.

**Kèm theo:** HĐ GTGT

**Chứng từ kế toán:** HĐ GTGT 0000325

**Đã nhận đủ số tiền** (*viết bằng chữ*): Mười chín triệu, bảy trăm mười bảy ngàn, chín trăm tám mươi đồng./.

*Ngày 15 tháng 01 năm 2014*

**Thủ trưởng đơn vị**  
 (Ký, đóng dấu)

**Kế toán**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**Người lập phiếu**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**Thủ quỹ**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**Người nộp tiền**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)



***Biểu 2.5***



**GIẤY BÁO CÓ**

*Ngày 16 tháng 01 năm 2014*

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong

Mã số thuế: 0200609247

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CO tài khoản của khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có: 3201162579

Số tiền bằng số: 35,897,070

Số tiền bằng chữ: Ba mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm bảy mươi đồng.

Nội dung: Công ty TNHH đầu tư cơ khí Thái Bình thanh toán tiền hàng

*Ngày 16 tháng 01 năm 2014*

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

**Biểu 2.6**

**Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong  
78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng**

Mẫu số S03a – DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**Nhật ký chung  
Năm 2014**

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số tài khoản		Số tiền
	Ngày tháng	Số hiệu		Nợ	Có	
01/01/2014	01/01/2014	HĐGTGT 9255 PC1/14	Mua hàng từ công ty Nam Long	156	111	32,633,700
01/01/2014	01/01/2014	HĐGTGT 9255 PC1/14	VAT đầu vào	133	111	3,263,370
			.....			
15/01/2014	15/01/2014	HĐGTGT 325 PT18/14	Bán hàng cho công ty Chiến Thắng	111	511	17,925,436
15/01/2014	15/01/2014	HĐGTGT 325 PT18/14	VAT đầu ra	111	3331	1,792,544
16/01/2014	16/01/2014	BC8/14	Phạm Thu Thủy nộp tiền vào tài khoản	112	111	200,000,000
16/01/2014	16/01/2014	HĐGTGT 326 BC9/14	Bán hàng cho công ty Thái Bình	112	511	32,633,700
16/01/2014	16/01/2014	HĐGTGT 326 BC9/14	VAT đầu ra	112	3331	3,263,370
			.....			
			<b>Tổng</b>			<b>10,550,084,459</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.7**

**Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Chân Phong**  
**78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng**

Mẫu số S03b – DNN  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2014

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  
 Số hiệu tài khoản: 511

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kì</b>			
			.....			
15/01/2014	15/01/2014	HĐGTGT 325 PT18/14	Bán hàng cho công ty Chiến Thắng	111		17,925,436
16/01/2014	16/01/2014	HĐGTGT 326 BC9/14	Bán hàng cho công ty Thái Bình	112		32,633,700
16/01/2014	16/01/2014	HĐGTGT 327	Bán hàng cho công ty Tiên Phong	131		17,843,602
17/01/2014	17/01/2014	HĐGTGT 328	Bán hàng cho công ty Nam Long	131		31,784,500
			.....			
31/12/2014	31/12/2014	PKT23/14	Kết chuyển doanh thu	911	1,332,648,282	
			Số phát sinh		1,332,648,282	1,332,648,282
			<b>Số dư cuối kì</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Người ghi sổ**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**Người ghi sổ**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**Người ghi sổ**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

## 2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

### 2.2.2.1 Đặc điểm giá vốn hàng bán

- Giá vốn của hàng bán tại công ty là giá trị thực tế xuất kho của số hàng hóa đã bán trong kỳ. Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

$$\begin{array}{ccc} \text{Trị giá vốn của} & & \text{Số lượng hàng hóa} \\ \text{hàng hóa xuất kho} & = & \text{xuất kho} \quad \times \quad \text{Đơn giá bình quân} \\ & & & & \text{gia quyền} \end{array}$$

- *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ:*

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền} = \frac{\text{Giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

### 2.2.2.2 Chứng từ sử dụng

- Sổ kho
- Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn
- Phiếu xuất
- Các chứng từ khác có liên quan.

### 2.2.2.3 Tài khoản sử dụng

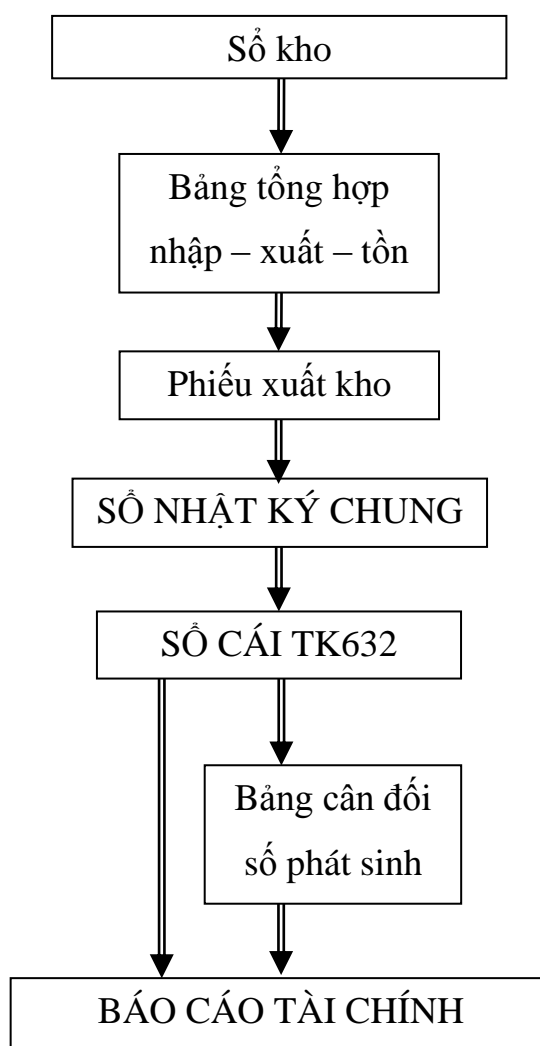
- Tài khoản 156: Hàng hóa
- Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

### 2.2.2.4 Quy trình hạch toán

- Sơ đồ quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong được khái quát qua **sơ đồ 2.4**.

- Khi nhận được hóa đơn phát sinh trong tháng, kế toán nhập số lượng, đơn giá, thành tiền của các loại hàng hóa có trong hóa đơn vào Sổ kho ở cột nhập (đối với hóa đơn mua vào), cột xuất (đối với hóa đơn bán ra) đồng thời đặt mã từng hàng hóa. Cuối tháng kế toán tổng hợp số hàng phát sinh trong tháng từ sổ kho vào bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn. Theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ tính đơn giá hàng xuất bán. Từ đó kế toán lập phiếu xuất, tất cả các loại hàng hóa xuất bán trong tháng được lập chung 1 phiếu xuất, hạch toán 1 lần vào cuối tháng.

**Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại Chân Phong**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : ⇒

**2.2.2.5 Ví dụ minh họa**

**Ví dụ 1:** Ngày 15 tháng 01 năm 2014 phát sinh nghiệp vụ bán các loại máy mài và đá mài cho Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng, số tiền 17,925,436 đồng chưa thuế GTGT 10%, trả ngay bằng tiền mặt.

**Ví dụ 2:** Ngày 16 tháng 01 năm 2014 phát sinh nghiệp vụ bán máy mài cho Công ty TNHH đầu tư cơ khí Thái Bình, số tiền 32,633,700 đồng, chưa thuế GTGT 10%, trả bằng chuyển khoản.

Tính đơn giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ:

**Đơn giá xuất kho bình quân máy mài 9553B ngày 15/01 được tính theo công thức sau:**

- Đầu tháng 1 tồn 12 cái máy mài 9553B, đơn giá: 685,055 đồng/cái
- Trong tháng 1 nhập 3 cái máy mài 9553B, đơn giá: 690,500 đồng/cái.

$$\text{Đơn giá xuất máy 9553B} = \frac{12 \times 685,055 + 3 \times 690,500}{12 + 3} = 686,144 \text{ (đồng/cái)}$$

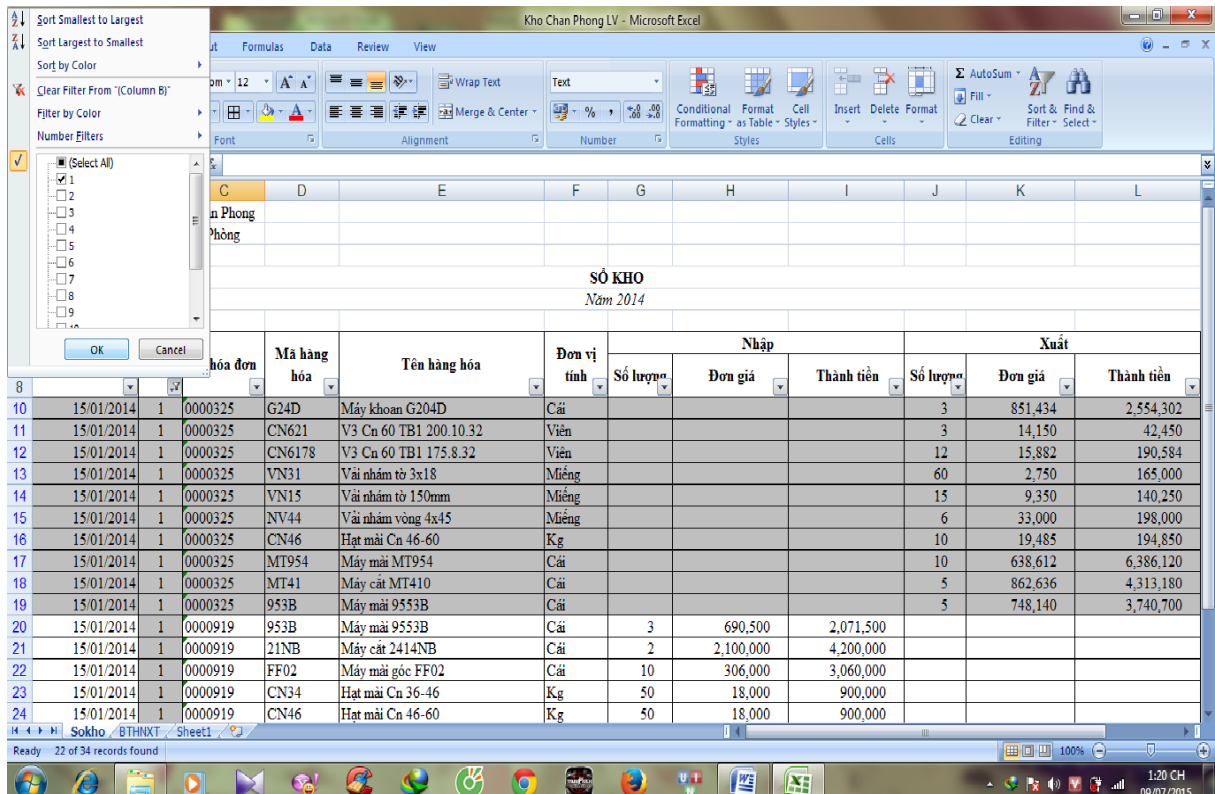
**Cách thực hiện trên máy tính (Excel):**

Bước 1: khi phát sinh hóa đơn, kế toán nhập từng hàng hóa từ hóa đơn vào sổ kho tại các cột tương ứng

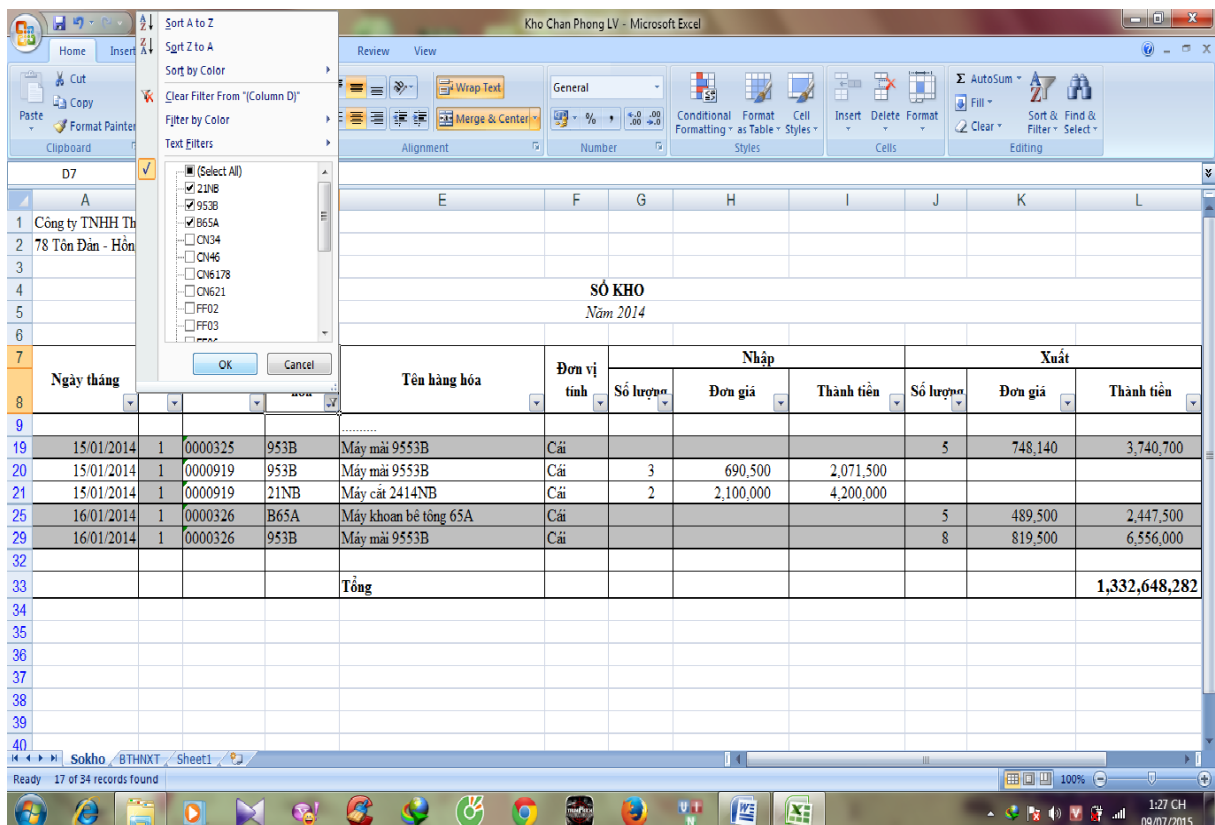
SỔ KHO											
Năm 2014											
Ngày tháng	Tháng	Số hóa đơn	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Nhập			Xuất		
						Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
15/01/2014	1	0000325	G24D	Máy khoan G204D	Cái	3	851,434	2,554,302			
15/01/2014	1	0000325	CN621	V3 Cn 60 TB1 200.10.32	Viên	3	14,150	42,450			
15/01/2014	1	0000325	CN6178	V3 Cn 60 TB1 175.8.32	Viên	12	15,882	190,584			
15/01/2014	1	0000325	VN31	Vải nhám tờ 3x18	Miếng	60	2,750	165,000			
15/01/2014	1	0000325	VN15	Vải nhám tờ 150mm	Miếng	15	9,350	140,250			
15/01/2014	1	0000325	NV44	Vải nhám vòng 4x45	Miếng	6	33,000	198,000			
15/01/2014	1	0000325	CN46	Hạt mài Cn 46-60	Kg	10	19,485	194,850			
15/01/2014	1	0000325	MT954	Máy mài MT954	Cái	10	638,612	6,386,120			
15/01/2014	1	0000325	MT41	Máy cắt MT410	Cái	5	862,636	4,313,180			
15/01/2014	1	0000325	953B	Máy mài 9553B	Cái	5	748,140	3,740,700			
15/01/2014	1	0000919	953B	Máy mài 9553B	Cái	3	690,500	2,071,500			
15/01/2014	1	0000919	21NB	Máy cắt 2414NB	Cái	2	2,100,000	4,200,000			
15/01/2014	1	0000919	FF02	Máy mài góc FF02	Cái	10	306,000	3,060,000			
15/01/2014	1	0000919	CN34	Hạt mài Cn 36-46	Kg	50	18,000	900,000			

Bước 2: Sử dụng Filter để lọc tháng 1, sau đó lọc mã hàng phát sinh tháng 1 để copy sang Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn.

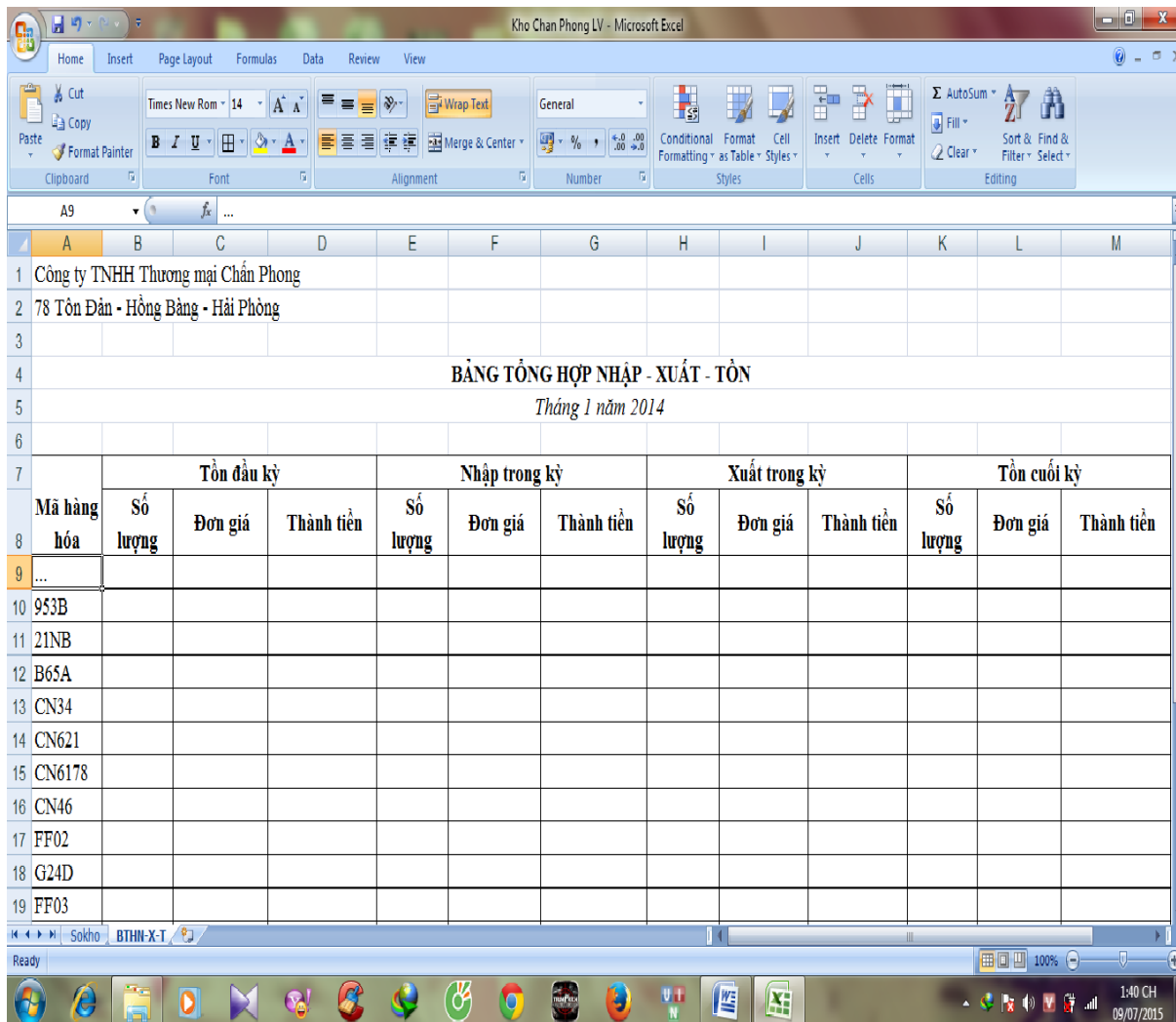
Lọc tháng 1:



Lọc mã hàng:



Copy mã sang bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn



Bước 3: Nhập và tính toán số liệu

- Từ sổ kho tháng 1 năm 2014: vùng mã hàng hóa, vùng số lượng xuất kho và mã hàng cần tính ở bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn; đồng thời sử dụng hàm tính tổng có điều kiện “SUMIF” để tính tổng số lượng hàng xuất trong tháng đối với từng mã hàng.

Ví dụ: tại ô số lượng xuất hàng hóa mã 953B sẽ đặt hàm:

=SUMIF(Sokho!\$C\$10:\$C\$31,BTHNXT!A10,Sokho!\$I\$10:\$I\$31) → “Enter”

Tại ô đơn giá xuất hàng hóa mã 953B:

=IF(AND(H10>0,(E10+B10)>0),(D10+G10)/(E10+B10),0) → “Enter”

Tại ô thành tiền xuất hàng hóa mã 953B: =H10\*I10 → “Enter”

Tính số lượng xuất tháng 1:



Excel window: Kho Chan Phong LV - Microsoft Excel

Formula bar:  $=SUMIF(Sokho!$D$10:$D$31,BTHNXT!A10,Sokho!$J$10:$J$31)$

Company: Công ty TNHH Thương mại Chân Phong  
 Address: 78 Tôn Đản - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN**  
 Tháng 1 năm 2014

Mã hàng hóa	Tồn đầu kỳ			Nhập trong kỳ			Xuất trong kỳ			Tồn cuối kỳ		
	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
953B	12	635,055	7,620,660	3	690,500	2,071,500						
21NB			-	2	2,100,000	4,200,000						
B65A	20	349,680	6,993,600	-	-	-						
CN34			-	50	18,000	900,000						
CN621	15	12,525	187,875	-	-	-						
CN6178	17	13,250	225,250	-	-	-						
CN46			-	50	18,000	900,000						
FF02			-	10	306,000	3,060,000						
G24D	5	777,500	3,887,500	-	-	-						
FF03	15	307,800	4,617,000	-	-	-						

Tính đơn giá xuất hàng tháng 1:

Excel window: Kho Chan Phong LV - Microsoft Excel

Formula bar:  $=IF(AND(H10>0,(E10+B10)>0),(D10+G10)/(E10+B10),0)$

Company: Công ty TNHH Thương mại Chân Phong  
 Address: 78 Tôn Đản - Hồng Bàng - Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN**  
 Tháng 1 năm 2014

Mã hàng hóa	Tồn đầu kỳ			Nhập trong kỳ			Xuất trong kỳ			Tồn cuối kỳ		
	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
953B	12	635,055	7,620,660	3	690,500	2,071,500	13					
21NB			-	2	2,100,000	4,200,000	-					
B65A	20	349,680	6,993,600	-	-	-	5					
CN34			-	50	18,000	900,000	-					
CN621	15	12,525	187,875	-	-	-	3					
CN6178	17	13,250	225,250	-	-	-	12					
CN46			-	50	18,000	900,000	10					
FF02			-	10	306,000	3,060,000	10					
G24D	5	777,500	3,887,500	-	-	-	3					
FF03	15	307,800	4,617,000	-	-	-	15					

Tính thành tiền xuất hàng:

Kho Chan Phong LV - Microsoft Excel

Home Insert Page Layout Formulas Data Review View

Clipboard Font Alignment Number Styles Cells Editing

SUM X ✓ ✖ =H10\*I10

1 Công ty TNHH Thương mại Chân Phong  
2 78 Tôn Đản - Hồng Bàng - Hải Phòng

3  
4 **BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN**  
5 Tháng 1 năm 2014

Mã hàng hóa	Tồn đầu kỳ			Nhập trong kỳ			Xuất trong kỳ			Tồn cuối kỳ		
	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
953B	12	635,055	7,620,660	3	690,500	2,071,500	13	646,144	=H10*I10			
21NB			-	2	2,100,000	4,200,000	-	-				
B65A	20	349,680	6,993,600	-	-	-	5	349,680				
CN34			-	50	18,000	900,000	-	-				
CN621	15	12,525	187,875	-	-	-	3	12,525				
CN6178	17	13,250	225,250	-	-	-	12	13,250				
CN46			-	50	18,000	900,000	10	18,000				
FF02			-	10	306,000	3,060,000	10	306,000				
G24D	5	777,500	3,887,500	-	-	-	3	777,500				
FF03	15	307,800	4,617,000	-	-	-	15	307,800				

Sokho BTHNXI BTHN-X-T

253 CH 09/07/2015

Kho Chan Phong LV - Microsoft Excel

Home Insert Page Layout Formulas Data Review View

Clipboard Font Alignment Number Styles Cells Editing

110 =F(AND(H10>0,(E10+B10)>0),(D10+G10)/(E10+B10),0)

1 Công ty TNHH Thương mại Chân Phong  
2 78 Tôn Đản - Hồng Bàng - Hải Phòng

3  
4 **BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN**  
5 Tháng 1 năm 2014

Mã hàng hóa	Tồn đầu kỳ			Nhập trong kỳ			Xuất trong kỳ			Tồn cuối kỳ		
	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
953B	12	635,055	7,620,660	3	690,500	2,071,500	13	646,144	8,399,872	2	646,144	1,292,288
21NB			-	2	2,100,000	4,200,000	-	-	-	2	2,100,000	4,200,000
B65A	20	349,680	6,993,600	-	-	-	5	349,680	1,748,400	15	349,680	5,245,200
CN34			-	50	18,000	900,000	-	-	-	50	18,000	900,000
CN621	15	12,525	187,875	-	-	-	3	12,525	37,575	12	12,525	150,300
CN6178	17	13,250	225,250	-	-	-	12	13,250	159,000	5	13,250	66,250
CN46			-	50	18,000	900,000	10	18,000	180,000	40	18,000	720,000
FF02			-	10	306,000	3,060,000	10	306,000	3,060,000	-	-	-
G24D	5	777,500	3,887,500	-	-	-	3	777,500	2,332,500	2	777,500	1,555,000
FF03	15	307,800	4,617,000	-	-	-	15	307,800	4,617,000	-	-	-

Sokho BTHNXI

439 CH 27/07/2015

**Biểu 2.8**

**BẢNG TỔNG HỢP NHẬP – XUẤT – TỒN**

*Tháng 1 năm 2014*

Mã hàng hóa	Tồn đầu kỳ			Nhập trong kỳ			Xuất trong kỳ			Tồn cuối kỳ		
	SL	Đơn giá	Thành tiền	SL	Đơn giá	Thành tiền	SL	Đơn giá	Thành tiền	SL	Đơn giá	Thành tiền
953B	12	635,055	7,620,660	3	690,500	2,071,500	13	646,144	8,399,872	2	646,144	1,292,288
21NB			-	2	2,100,000	4,200,000	-	-	-	2	2,100,000	4,200,000
B65A	20	349,680	6,993,600	-	-	-	5	349,680	1,748,400	15	349,680	5,245,200
CN34			-	50	18,000	900,000	-	-	-	50	18,000	900,000
CN621	15	12,525	187,875	-	-	-	3	12,525	37,575	12	12,525	150,300
CN6178	17	13,250	225,250	-	-	-	12	13,250	159,000	5	13,250	66,250
CN46			-	50	18,000	900,000	10	18,000	180,000	40	18,000	720,000
FF02			-	10	306,000	3,060,000	10	306,000	3,060,000	-	-	-
G24D	5	777,500	3,887,500	-	-	-	3	777,500	2,332,500	2	777,500	1,555,000
FF03	15	307,800	4,617,000	-	-	-	15	307,800	4,617,000	-	-	-
VN31	80	2,480	198,400	-	-	-	60	2,480	148,800	20	2,480	49,600
FF06	30	369,434	11,083,020	-	-	-	8	369,434	2,955,472	22	369,434	8,127,548
GH51	10	1,123,400	11,234,000	-	-	-	2	1,123,400	2,246,800	8	1,123,400	8,987,200
VN15	25	8,750	218,750	-	-	-	15	8,750	131,250	10	8,750	87,500
NV44	10	30,000	300,000	-	-	-	6	30,000	180,000	4	30,000	120,000
MT954	23	590,555	13,582,765	-	-	-	10	590,555	5,905,550	13	590,555	7,677,215
MT41	40	831,600	33,264,000	-	-	-	5	831,600	4,158,000	35	831,600	29,106,000
MT921	20	617,550	12,351,000	-	-	-	10	617,550	6,175,500	10	617,550	6,175,500
.....												
<b>Tổng</b>									<b>91,350,110</b>			

**Biểu 2.9**

C.TY TNHH TM CHẤN PHONG  
 Số 78 Tôn Đản–Hồng Bàng–HP  
 MST: 0200609247

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 31 tháng 01 năm 2014

Số: 01

Nợ: 632

Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Đoàn Thị Tươi Địa chỉ (bộ phận): Kế toán

Lý do xuất kho: Xuất bán

Xuất kho tại: Cty TNHH TM Chấn Phong

Địa điểm: Số 78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

STT	Mã hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	D	1	2	3	4
1	953B	Cái	13	13	646,144	8,399,872
2	B65A	Cái	5	5	349,680	1,748,400
3	CN621	Viên	3	3	12,525	37,575
4	CN6178	Viên	12	12	13,250	159,000
5	CN46	Kg	10	10	18,000	180,000
6	FF02	Cái	10	10	306,000	3,060,000
7	G24D	Cái	3	3	777,500	2,332,500
8	FF03	Cái	15	15	307,800	4,617,000
9	VN31	Miếng	60	60	2,480	148,800
10	FF06	Cái	8	8	369,434	2,955,472
11	GH51	Cái	2	2	1,123,400	2,246,800
12	VN15	Miếng	15	15	8,750	131,250
	.....					
	<b>Cộng</b>					<b>91,350,110</b>

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Chín mươi một triệu, ba trăm năm mươi ngàn, một trăm mười đồng /.

Số chứng từ gốc kèm theo: HĐGTGT

Kế toán

Thủ kho

Thủ trưởng đơn vị

**Biểu 2.10**

**Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong**  
**78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng**

Mẫu số S03a – DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**Nhật ký chung**  
**Năm 2014**

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số tài khoản		Số tiền
	Ngày tháng	Số hiệu		Nợ	Có	
			.....			
15/01/2014	15/01/2014	HĐGTGT 325 PT18/14	Bán hàng cho công ty Chiến Thắng	111	511	17,925,436
15/01/2014	15/01/2014	HĐGTGT 325 PT18/14	VAT đầu ra	111	3331	1,792,544
16/01/2014	16/01/2014	BC8/14	Phạm Thu Thủy nộp tiền vào tài khoản	112	111	200,000,000
16/01/2014	16/01/2014	HĐGTGT 326 BC9/14	Bán hàng cho công ty Thái Bình	112	511	32,633,700
16/01/2014	16/01/2014	HĐGTGT 326 BC9/14	VAT đầu ra	112	3331	3,263,370
			.....			
31/01/2014	31/01/2014	PX1/14	Giá vốn hàng bán tháng 1/2014	632	156	91,350,110
			.....			
			<b>Tổng</b>			<b>10,550,084,459</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Người ghi sổ**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**Kế toán**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.11**

**Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong  
78 Tôn Đức – Hồng Bàng – Hải Phòng**

Mẫu số S03b – DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2014

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu tài khoản: 632

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			
31/01/2014	31/01/2014	PX1/14	Giá vốn hàng bán tháng 1/2014	156	91,350,110	
28/02/2014	28/02/2014	PX2/14	Giá vốn hàng bán tháng 2/2014	156	90,384,550	
			.....			
31/12/2014	31/12/2014	PKT22/14	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		1,112,761,315
			Số phát sinh		1,112,761,315	1,112,761,315
			<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

### **2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

#### **2.2.3.1 Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

- Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong bao gồm các khoản lãi như: lãi tiền gửi ngân hàng.
- Chi phí tài chính của Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong là khoản tiền trả lãi tiền vay trong quá trình hoạt động.
- Trong năm 2014, Công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí tài chính.

#### **2.2.3.2 Chứng từ sử dụng**

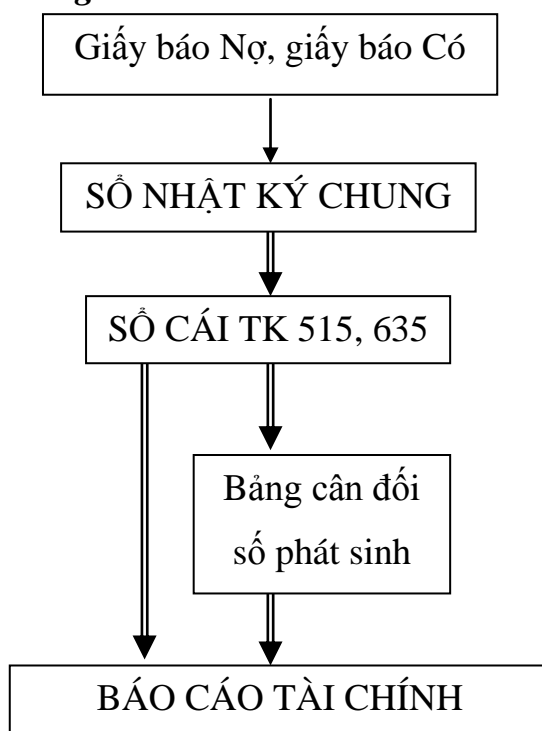
- Phiếu trả lãi tài khoản
- Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo có, giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

#### **2.2.3.3 Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 112: Tiền gửi ngân hàng
- Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- Tài khoản 635: Chi phí tài chính
- Các tài khoản khác có liên quan

#### **2.2.3.4 Quy trình hạch toán**

**Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán hoạt động tài chính tại công ty TNHH Thương mại Chân Phong**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:  $\Longrightarrow$

**2.2.3.5 Ví dụ minh họa**

**Ví dụ 3:** Ngày 31 tháng 01 năm 2014 Công ty TNHH Thương mại Chân Phong nhận được giấy báo có của Ngân hàng HD Bank về tiền lãi nhận được số tiền là 6,184 đồng.

Căn cứ vào giấy báo Có của Ngân hàng (**biểu số 2.15**), kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (**biểu số 2.16**), sau đó vào Sổ Cái tài khoản 515 (**biểu số 2.17**).



**Biểu 2.12**



**GIẤY BÁO CÓ**

*Ngày 31 tháng 01 năm 2014*

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong

Mã số thuế: 0200609247

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CO tài khoản của khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có: 3201162579

Số tiền bằng số: 6,184

Số tiền bằng chữ: Sáu ngàn, một trăm tám mươi bốn đồng.

Nội dung: Lãi nhập vốn.

*Ngày 31 tháng 01 năm 2014*

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

**Biểu 2.13**

**Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong**  
**78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng**

Mẫu số S03a – DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**Nhật ký chung**

**Năm 2014**

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số tài khoản		Số tiền
	Ngày tháng	Số hiệu		Nợ	Có	
			.....			
15/01/2014	15/01/2014	HĐGTGT 325 PT18/14	Bán hàng cho công ty Chiến Thắng	111	511	17,925,436
15/01/2014	15/01/2014	HĐGTGT 325 PT18/14	VAT đầu ra	111	3331	1,792,544
16/01/2014	16/01/2014	BC8/14	Phạm Thu Thủy nộp tiền vào tài khoản	112	111	200,000,000
16/01/2014	16/01/2014	HĐGTGT 326 BC9/14	Bán hàng cho công ty Thái Bình	112	511	32,633,700
16/01/2014	16/01/2014	HĐGTGT 326 BC9/14	VAT đầu ra	112	3331	3,263,370
			.....			
31/01/2014	31/01/2014	BC19/14	Thu tiền lãi từ ngân hàng HD Bank	112	515	6,184
			.....			
			<b>Tổng</b>			<b>10,550,084,459</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Người ghi sổ**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**Kế toán**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.14**

**Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong  
78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng**

Mẫu số S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2014

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu tài khoản: 515

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			
			.....			
31/01/2014	31/01/2014	BC19/14	Thu tiền lãi từ ngân hàng HD Bank	112		6,184
			.....			
31/12/2014	31/12/2014	PKT23/14	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	74,205	
			Số phát sinh		74,205	74,205
			<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

## **2.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

### **2.2.4.1 Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh**

- Tại công ty TNHH Thương mại Chân Phong, chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:

- + Chi phí về lương nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý doanh nghiệp
- + Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + Chi phí về đồ dùng văn phòng
- + Các khoản chi phí khác

### **2.2.4.2 Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo Nợ ngân hàng
- Bảng phân bổ tiền lương, các khoản trích theo lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

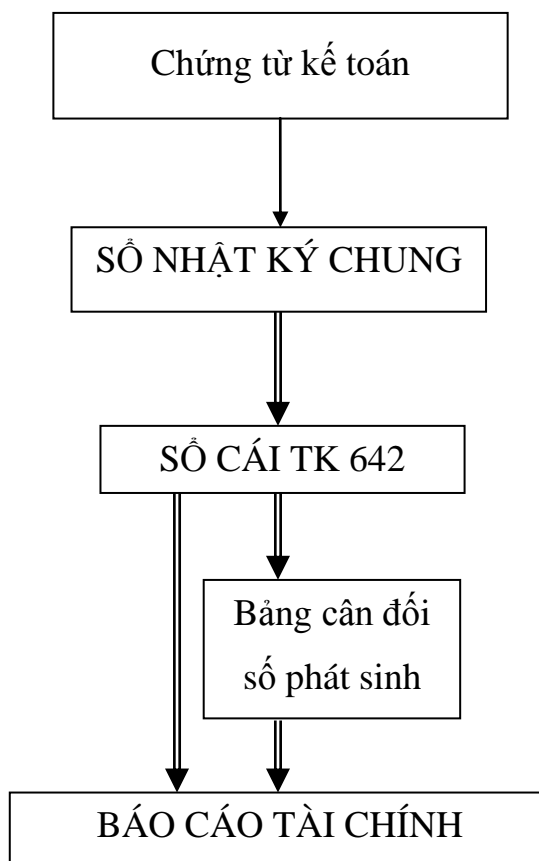
### **2.2.4.3 Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- Các tài khoản khác có liên quan: 111, 112, 131,...

### **2.2.4.4 Quy trình hạch toán**

**Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán chi phí kinh doanh tại Công ty TNHH**

**Thương mại Chân Phong**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ :  $\Longrightarrow$

**2.2.4.5 Ví dụ minh họa**

**Ví dụ 4:** Ngày 31 tháng 01 năm 2014 Công ty TNHH Thương mại Chân Phong nhận được hóa đơn thanh toán tiền phí dịch vụ viễn thông số tiền 700,500 đồng (chưa thuế GTGT), thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ hóa đơn GTGT (**biểu số 2.18**) kế toán lập phiếu chi (**biểu số 2.19**), sau đó phản ánh vào sổ Nhật ký chung (**biểu số 2.21**), Sổ Cái TK 642 (**biểu số 2.22**).

**Ví dụ 5:** Ngày 31 tháng 01 năm 2014, kế toán hoàn thành bảng lương nhân viên tháng 1 năm 2014.

Căn cứ bảng lương tháng 1 (**biểu số 2.20**) kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (**biểu số 2.21**), Sổ Cái TK 642 (**biểu số 2.22**).

**Biểu 2.15**

**HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)**

Liên 2: Giao khách hàng

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/01/2014

Đơn vị bán: Công ty TNHH MTV điện lực Hải Phòng MST: 0200340211

Địa chỉ: số 9 Trần Hưng Đạo – Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng – Hải Phòng Điện thoại: Fax:

Số tài khoản:

Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH TM Chấn Phong

Địa chỉ: số 78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mã khách hàng: KHCP-DLHP-00344

Số thuê bao: 0979908889

Mẫu số: 01GTKT-2LN-03

Ký hiệu: AA/2007T

số: **00463443**

STT	Dịch vụ sử dụng	Tiền dịch vụ	Thuế suất GTGT	Tiền thuế GTGT	Tổng cộng
1	Tiền thuê bao E-Net family	50,000	10%	5,000	55,000
2	Tiền sử dụng	650,500	10%	65,050	715,550
	<b>Cộng</b>	<b>700,500</b>		<b>70,050</b>	<b>770,550</b>

Ngày 31 tháng 01 năm 2014

Người nộp tiền

Đại diện giao dịch

***Biểu 2.16***

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chấn Phong  
Địa chỉ: 78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số 01 - TT  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

***Ngày 31 tháng 01 năm 2014***

Số:12

Nợ 6422 : 700,500

Nợ 133 : 70,050

Có 111 : 770,550

**Họ và tên người nhận tiền:** Đoàn Thị Tươi

**Địa chỉ:** NV kế toán công ty TNHH TM Chấn Phong

**Lý do chi:** Thanh toán tiền phí dịch vụ viễn thông

**Số tiền: 770,550** (Viết bằng chữ): *Bảy trăm bảy mươi ngàn, năm trăm năm mươi đồng./.*

**Kèm theo:** HĐ GTGT

**Chứng từ kế toán:** HĐ GTGT 00463443

**Đã nhận đủ số tiền** (viết bằng chữ): *Bảy trăm bảy mươi ngàn, năm trăm năm mươi đồng./.*

*Ngày 31 tháng 01 năm 2014*

**Thủ trưởng đơn vị**

**Kế toán**

**Người lập phiếu**

**Thủ quỹ**

**Người nhận tiền**

**Biểu 2.17**

Công ty TNHH TM Chân Phong  
Số 78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

**Bảng Lương**  
Tháng 1 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày công	Lương cơ bản	Tổng cộng	Ký nhận
1	Phạm Thu Thủy	Giám đốc	26	5,000,000	5,000,000	
2	Hoàng Đức Long	Nhân viên bán hàng	26	3,000,000	3,000,000	
3	Đoàn Thị Tươi	Nhân viên kế toán	26	3,000,000	3,000,000	
	<b>Tổng</b>			<b>11,000,000</b>	<b>11,000,000</b>	

Ngày 31 tháng 01 năm 2014

Người duyệt

Người lập



**Biểu 2.18**

**Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong**  
**78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng**

Mẫu số S03a – DNN  
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**Nhật ký chung**

**Năm 2014**

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số tài khoản		Số tiền
	Ngày tháng	Số hiệu		Nợ	Có	
01/01/2014	01/01/2014	HĐGTGT 9255 PC1/14	Mua hàng từ công ty Nam Long	156	111	32,633,700
01/01/2014	01/01/2014	HĐGTGT 9255 PC1/14	VAT đầu vào	133	111	3,263,370
			.....			
31/01/2014	31/01/2014	HĐGTGT463443 PC12/14	Thanh toán tiền phí dịch vụ viễn thông	642	111	700,500
31/01/2014	31/01/2014	HĐGTGT463443 PC12/14	Thuế GTGT được khấu trừ	133	111	70,050
31/01/2014	31/01/2014	BL1/14	Lương phải trả cho CBCNV tháng 1 năm 2014	642	334	11,000,000
31/01/2014	31/01/2014	PC11/14	Chi lương cho CBCNV tháng 1 năm 2014	334	111	11,000,000
			<b>Tổng</b>			<b>10,550,084,459</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Người ghi sổ**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**Kế toán**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.19**

**Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong  
78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng**

Mẫu số S03b – DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu tài khoản: 642

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kì</b>			
			.....			
31/01/2014	31/01/2014	HĐGTGT463443	Thanh toán tiền phí dịch vụ viễn thông	111	700,500	
31/01/2014	31/01/2014	BL1/14	Lương phải trả cho CBCNV tháng 1 năm 2014	334	11,000,000	
			.....			
31/12/2014	31/12/2014	PKT22/14	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		171,878,187
			Số phát sinh		171,878,187	171,878,187
			<b>Số dư cuối kì</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

## **2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**

Trong năm 2014, Công ty không phát sinh nghiệp vụ nào liên quan tới thu nhập khác và chi phí khác.

## **2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

### **2.2.6.1 Đặc điểm xác định kết quả kinh doanh**

- Lợi nhuận thực hiện bao gồm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác.
- + Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh: là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí.
- + Lợi nhuận từ hoạt động khác gồm:
  - Lợi nhuận từ hoạt động tài chính: Là khoản chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính và chi phí tài chính gồm: hoạt động cho thuê tài sản, lãi thu được từ tiền gửi ngân hàng....
  - Lợi nhuận sau thuế được doanh nghiệp sử dụng để bổ sung các quỹ, bổ sung nguồn vốn kinh doanh,...

### **2.2.6.2 Chứng từ sử dụng**

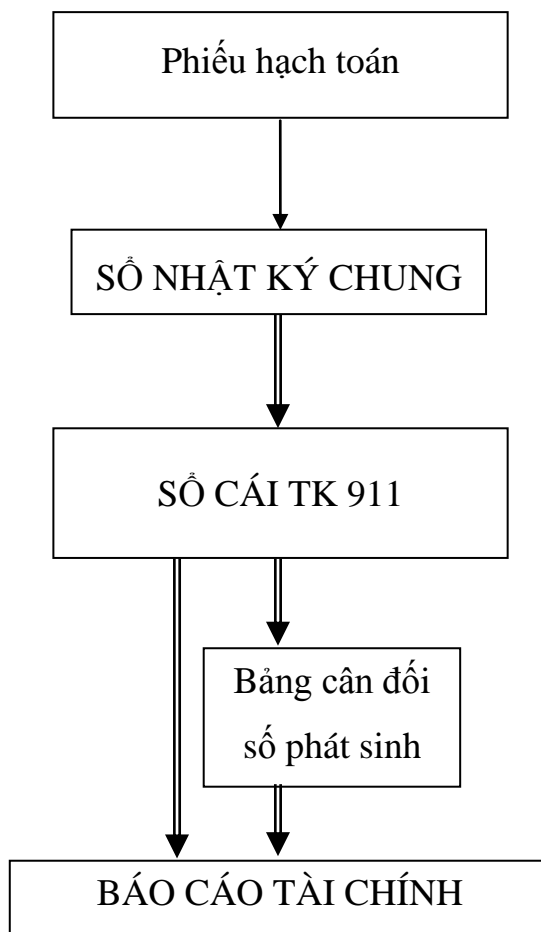
- Sổ Nhật ký chung
- Phiếu hạch toán
- Các sổ cái liên quan: 511, 632, 642,...

### **2.2.6.3 Tài khoản sử dụng**

- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 635: Chi phí hoạt động tài chính
- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK 911: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh
- TK 421; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- TK 711: Thu nhập khác
- TK 811: Chi phí khác

### **2.2.6.4 Quy trình hạch toán**

**Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Chân Phong**



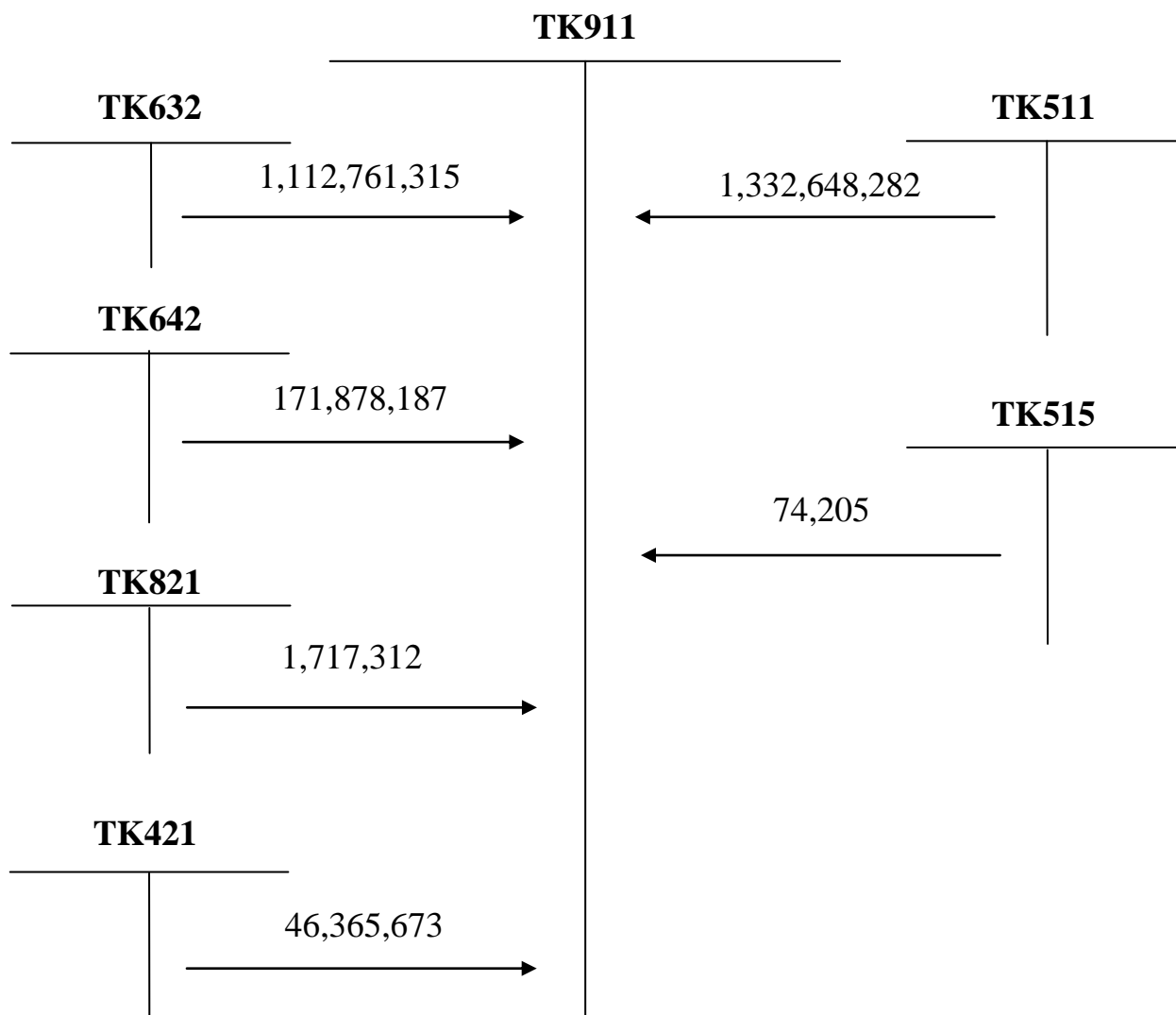
**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : ⇨

Kết quả xác định kết quả kinh doanh năm 2014 của công ty được khái quát qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 2.7: xác định kết quả kinh doanh năm 2014 của công ty TNHH Thương mại Chân Phong**



Cuối năm căn cứ vào kết quả lỗ năm 2013 số tiền 39,496,423 đồng và các bút toán thực hiện hết chuyển, các phiếu kế toán để ghi sổ Nhật ký chung, Sổ Cái tài khoản 911.

Khi đó:

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận trước thuế} &= 1,332,648,282 + 74,205 - 1,112,761,315 - 171,878,187 \\ &= 48,082,985 \text{ đồng} \end{aligned}$$

$$\text{Thuế TNDN} = (48,082,985 - 39,396,423) \times 20\% = 1,717,312 \text{ đồng}$$

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận sau thuế} &= 48,082,985 - 1,717,312 = 46,365,673 \text{ đồng} \end{aligned}$$

⇒ Kết quả kinh doanh năm 2014 của doanh nghiệp là Lãi

**Biểu 2.20**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Chân Phong  
78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

**PHIẾU HẠCH TOÁN**

Số: 22

Ngày 31 tháng 12 năm 2014  
Đối tượng: kết chuyển chi phí

STT	Diễn giải	Tài khoản nợ	Tài khoản có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	171,878,187
2	Kết chuyển giá vốn	911	632	1,112,761,315
	<b>Cộng</b>			<b>1,284,639,502</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014  
Người lập biểu

**Biểu 2.21**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Chân Phong  
78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

**PHIẾU HẠCH TOÁN**

Số: 23

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đối tượng: kết chuyển doanh thu

STT	Diễn giải	Tài khoản nợ	Tài khoản có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	1,332,648,282
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	74,205
	<b>Cộng</b>			<b>1,332,722,487</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

**Biểu 2.22**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Chân Phong  
78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

**PHIẾU HẠCH TOÁN**

Số: 24

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đối tượng: Xác định thuế TNDN phải nộp

STT	Diễn giải	Tài khoản nợ	Tài khoản có	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp	821	3334	1,717,312
	<b>Cộng</b>			<b>1,717,312</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

**Biểu 2.23**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Chân Phong  
78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

**PHIẾU HẠCH TOÁN**

Số: 25

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đối tượng: Kết chuyển chi phí thuế TNDN

STT	Diễn giải	Tài khoản nợ	Tài khoản có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	1,717,312
	<b>Cộng</b>			<b>1,717,312</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu

**Biểu 2.24**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Chân Phong  
78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

**PHIẾU HẠCH TOÁN**

Số: 26

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đối tượng: Kết chuyển lãi

STT	Diễn giải	Tài khoản nợ	Tài khoản có	Số tiền
1	Kết chuyển lãi	911	421	46,365,673
	<b>Cộng</b>			<b>46,365,673</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu



**Biểu 2.25**

**Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong  
78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng**

Mẫu số S03a – DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**Nhật ký chung  
Năm 2014**

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số tài khoản		Số tiền
	Ngày tháng	Số hiệu		Nợ	Có	
01/01/2014	01/01/2014	HĐGTGT 9255 PC1/14	Mua hàng từ công ty Nam Long	156	111	32,633,700
01/01/2014	01/01/2014	HĐGTGT 9255 PC1/14	VAT đầu vào	133	111	3,263,370
			.....			
31/12/2014	31/12/2014	PHT22/14	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	171,878,187
31/12/2014	31/12/2014	PHT22/14	Kết chuyển giá vốn	911	632	1,112,761,315
31/12/2014	31/12/2014	PHT23/14	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	1,332,648,282
31/12/2014	31/12/2014	PHT23/14	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	74,205
31/12/2014	31/12/2014	PHT24/14	Thuế TNDN phải nộp	821	3334	1,717,312
31/12/2014	31/12/2014	PHT25/14	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	1,717,312
31/12/2014	31/12/2014	PHT26/14	Kết chuyển lãi	911	421	46,365,673
			<b>Tổng</b>			<b>10,550,084,459</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.26**

**Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Chân Phong  
78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng**

Mẫu số S03b – DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2014

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu tài khoản: 911

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
31/12/2014	31/12/2014	PHT22/14	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	171,878,187	
31/12/2014	31/12/2014	PHT22/14	Kết chuyển giá vốn	632	1,112,761,315	
31/12/2014	31/12/2014	PHT23/14	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		1,332,648,282
31/12/2014	31/12/2014	PHT23/14	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		74,205
31/12/2014	31/12/2014	PHT25/14	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	1,717,312	
31/12/2014	31/12/2014	PHT26/14	Kết chuyển lãi	421	46,365,673	
			Số phát sinh		1,332,722,487	1,332,722,487
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Biểu 2.27**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2014

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Năm nay
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	1,332,648,282
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>1,332,648,282</b>
4	Giá vốn hàng bán	11		1,112,761,315
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>219,886,967</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		74,205
7	Chi phí tài chính	22		0
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		171,878,187
<b>9</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)</b>	<b>30</b>		<b>48,082,985</b>
10	Thu nhập khác	31		0
11	Chi phí khác	32		0
<b>12</b>	<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>0</b>
<b>13</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>	IV.09	<b>48,082,985</b>
14	Chi phí thuế TNDN	51		1,717,312
<b>15</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>46,365,673</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

## **CHƯƠNG 3**

# **MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHẤN PHONG**

### **3.1 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHẤN PHONG**

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong em nhận thấy công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng tại công ty có những ưu điểm và nhược điểm sau đây:

#### **3.1.1 Ưu điểm**

##### **a) Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty**

- Về bộ máy kế toán: công tác kế toán tại công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, đảm bảo sự thống nhất trong quản lý. Nhân viên kế toán là người có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao.

- Về hình thức kế toán: công ty áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” đơn giản mà hiệu quả, phản ánh được kịp thời, chính xác những nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Cuối tháng kế toán tiến hành đóng chứng từ, sổ sách và lưu trữ cẩn thận.

##### **b) Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh**

Hiện nay công ty đang áp dụng quyết định 48/2006/QĐ-BTC của Bộ tài chính.

Về các chứng từ liên quan đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh: như hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, bảng khấu hao, phân bổ,...được kế toán phân loại và tiến hành ghi sổ theo đúng

nội dung phân hành kế toán, tạo điều kiện cho việc đưa ra các báo cáo tài chính chính xác, kịp thời, phục vụ đắc lực cho công tác quản lý trong công ty.

Về công tác kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ bán hàng đều được kế toán ghi nhận vào doanh thu một cách kịp thời và đầy đủ, chính xác về nội dung. Khi bán hàng kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT thành 3 liên: liên 1 lưu tại cuống, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 lưu nội bộ làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

Về công tác kế toán giá vốn: công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thương xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ

Về công tác kế toán chi phí khác và thu nhập khác: kế toán theo dõi tốt tài khoản chi phí khác và thu nhập khác giúp cho nhà quản trị quản lý được các khoản doanh thu bất thường và chi phí bất thường trong doanh nghiệp.

Về công tác xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty: do kế toán đã quản lý, theo dõi tốt các khoản doanh thu, chi phí đề cập ở trên vì thế công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được thực hiện 1 cách dễ dàng, cung cấp cho giám đốc những thông tin kế toán chính xác, kịp thời, qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

### **3.1.2 Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty**

Bên cạnh những ưu điểm đề cập ở trên Công ty TNHH Thương mại Chân Phong còn tồn tại những mặt hạn chế sau đây:

- **Về công tác kế toán:** công ty TNHH Thương mại Chân Phong là một công ty với khối lượng chứng từ và công việc kế toán không lớn, tuy nhiên công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán vì thế không tạo được điều kiện thuận lợi nhất cho kế toán đưa ra những thông tin kế toán kịp thời, chính xác cho nhà quản trị.

Đặc biệt là phần kế toán giá vốn hàng bán, kho hàng. Quy trình hạch toán chưa chặt chẽ, dẫn đến việc quản lý bị lỏng lẻo, không kiểm kê được số lượng hàng tồn kho, nhập hay xuất trong kỳ. Do vậy, không kiểm soát được lượng hàng hóa trong công ty có bị tồn thất, mất mát hay không.

- **Về hệ thống sổ sách:** công ty áp dụng theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC của Bộ tài chính nhưng không phải tất cả các mẫu sổ đều theo quyết định 48 mà một số mẫu do kế toán tự tạo để phù hợp với từng mục đích.

### **3.2 MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHẤN PHONG**

#### **3.2.1 Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty**

Trong xu thế phát triển của thế giới hiện nay cùng với quá trình hội nhập và quốc tế hóa, mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước được giao lưu, buôn bán trao đổi với các doanh nghiệp nước ngoài. Không những thế nó còn tạo ra những áp lực và thách thức lớn đối với các doanh nghiệp trong nước, vì thế để có thể tồn tại và phát triển được các doanh nghiệp phải không ngừng vận động, mở rộng thị trường và việc hoàn thiện công tác quản lý sản xuất kinh doanh – một yếu tố quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là công tác kế toán trong doanh nghiệp.

Vì thế doanh nghiệp nên có những giải pháp giải quyết những hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng. Những mặt còn hạn chế trên liên quan đến công tác tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh tại công ty vì thế nó ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **3.2.2 Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.**

Đối với công ty nếu quản lý tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp các nhà quản trị quản lý, theo dõi được tình hình tiêu thụ và sử dụng chi phí kinh doanh của toàn công ty. Từ đó công ty sẽ có những biện pháp để thúc đẩy tiêu thụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xác định kết quả kinh doanh một cách chính xác, phân phối thu nhập cho người

lao động một cách hợp lý, làm cho người lao động hăng say hơn trong công việc.

Đối với công tác kế toán, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng, nó thể hiện kết quả kinh doanh cuối kỳ của doanh nghiệp. Vì thế việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp kế toán đưa ra những thông tin chính xác hơn và tạo niềm tin cho nhà quản trị khi sử dụng thông tin kế toán.

### **3.2.3 Nguyên tắc và điều kiện tiên hành hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh**

Việc hoàn thiện những hạn chế còn dựa vào những nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc thống nhất:
- + Đảm bảo sự thống nhất từ trung ương đến cơ sở
- + Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh
- + Đảm bảo sự thống nhất về chứng từ, tài khoản, sổ sách và phương thức hạch toán.

### **3.2.4 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh**

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong em đã có cơ hội tiếp cận và đối chiếu giữa công tác kế toán thực tế với những lý thuyết được học ở trường. Em xin đưa ra một số đề xuất để hoàn thiện những hạn chế còn tồn tại ở công ty như sau:

#### **3.2.4.1 Ứng dụng phần mềm kế toán**

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như:

**Phần mềm Kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ MISA SME.NET 2015**



**MISA SME.NET 2015**

MISA SME.NET 2015 là phần mềm kế toán cho phép doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Cổ đông, Tổng hợp. Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế.

MISA SME.NET 2015 phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.

**Giá:** 10,950,000.00 đồng

**Các phân hệ của MISA**

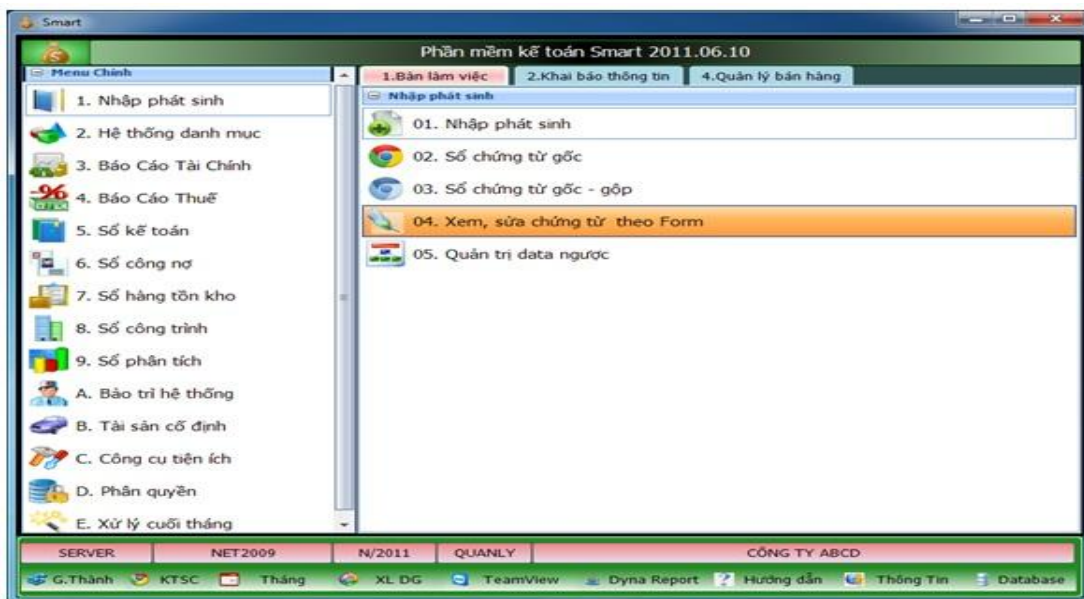




**Phần mềm kế toán thương mại SMART**



Giá: 3,000,000 đồng



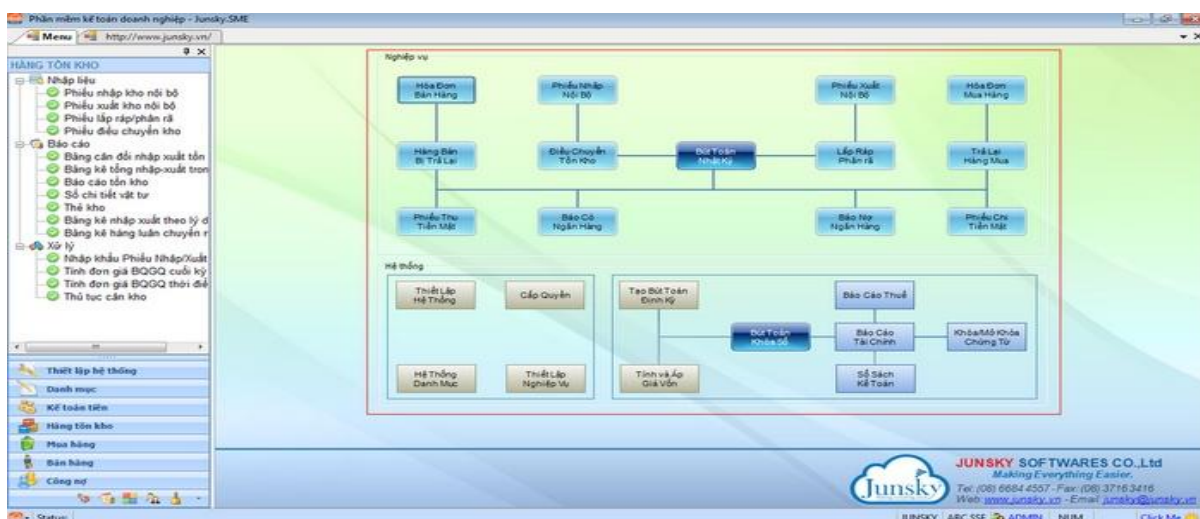
Chức năng phần mềm kế toán thương mại SMART:

- + Theo dõi doanh thu theo vùng miền, theo nhóm khách hàng
- + Khai báo đơn giá bán theo vùng và theo nhóm đối tượng
- + Theo dõi chi tiết và tổng hợp công nợ theo từng tài khoản, từng khách hàng, từng hợp đồng, từng hóa đơn, theo hàng hóa, in bảng đối chiếu và xác nhận công nợ, báo cáo lịch thu tiền...
- + Theo dõi hàng tồn kho theo mặt hàng, theo lô và hạn sử dụng, theo nhiều kho, xử lý đơn giá hàng tồn kho theo nhiều phương pháp khác nhau....

**Junsky.SME – Phần mềm kế toán doanh nghiệp**



Junsky.SME là phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, luôn được cập nhật theo thông tư và quyết định mới nhất của bộ tài chính. Dữ liệu có thể được Import từ Excel, Access, XML,... vào chương trình hoặc ngược lại, Export dữ liệu từ phần mềm ra Excel, Acces, XML, ... thông qua các template đơn giản.



- Phần mềm kế toán Junsky.SME – Phiên bản kế toán dành cho các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ vừa và nhỏ.

**3.2.4.2 Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại công ty**

**Ý kiến 1: Lập sổ danh điểm hàng hóa**

Công ty quản lý kho theo mã hàng hóa đòi hỏi việc đặt mã phải được thống nhất giữa tất cả các sổ như: sổ kho, bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn. Đặc biệt, các loại hàng hóa có tại công ty có những thông số và ký hiệu gần giống nhau; hơn nữa công ty đặt mã hàng không theo một quy luật cụ thể, nếu không tập trung, cẩn thận và thành thạo công việc thì dễ dẫn đến tình trạng đặt sai mã hàng, ảnh hưởng đến quá trình tính toán và quản lý kho.

Vì vậy, công ty nên lập sổ danh điểm (biểu 3.1) gồm mã và tên hàng hóa để khi hàng hóa phát sinh. Những hàng hóa có đặc điểm gần giống nhau nên cho

vào cùng một nhóm và đặt mã. Như vậy việc quản lý trở nên dễ dàng hơn và tránh nhầm lẫn.

**Biểu 3.1**

**SỔ DANH ĐIỂM**

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa
1		Đá
1.1	DM62013	V3 Cn 60 TB1 200.10.32
1.2	DM61783	V3 Cn 60 TB1 175.8.32
2		Máy
2.1	MKG204D	Máy khoan G204D
2.2	MKBT65A	Máy khoan bê tông 65A
2.3	MMGFF02	Máy mài góc FF02
3		Vải
3.1	VNT15	Vải nhám tờ 150mm
3.2	VNT318	Vải nhám tờ 3x18
3.3	VNV445	Vải nhám vòng 4x45
	.....	

**Ý kiến 2: Bổ sung các sổ sách, chứng từ hạch toán doanh thu**

Khi hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty cần hạch toán chi tiết doanh thu của từng loại mặt hàng bán ra nhằm nắm bắt chi tiết doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng đó. Từ đó nhà quản trị có thể đưa ra được các chiến lược tiêu thụ hàng hóa như: marketing, tìm kiếm thị trường, đối tác,... Vì vậy, công ty nên mở sổ chi tiết doanh thu cho từng loại mặt hàng, cuối kỳ tổng hợp chi tiết sang bảng tổng hợp chi tiết doanh thu để đối chiếu với Sổ Cái 511. Thông qua doanh thu, giá vốn có thể tính được lãi gộp từng mặt hàng, từ đó đưa ra những chiến lược phát triển sản phẩm.

**Ví dụ 2:** Ngày 16 tháng 01 năm 2014 phát sinh nghiệp vụ bán máy mài cho Công ty TNHH đầu tư cơ khí Thái Bình, số tiền 32,633,700 đồng, chưa thuế GTGT 10%, trả bằng chuyển khoản.

Cùng với việc ghi sổ Nhật ký chung, Sổ Cái 511, kế toán sẽ ghi vào sổ chi tiết bán hàng mở cho từng loại máy (**biểu 3.2**), cuối kỳ tổng hợp sang bảng tổng hợp chi tiết bán hàng (**biểu 3.3**).

**Biểu 3.2**

Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong  
78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S17-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Máy khoan bê tông 65A  
Năm: 2014

Mã hàng hóa: B65A

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212, 5213)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			.....						
16/1/2014	HĐ326	16/1/2014	Bán cho công ty Thái Bình	112	05	489,500	2,447,500		
			.....						
			Cộng số phát sinh -Doanh thu thuần -Giá vốn hàng bán -Lãi gộp						

- Sổ này có ..... trang, đánh từ trang 01 đến trang .....
- Ngày mở sổ : .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014  
**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu 3.3**

Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong

78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

**SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Năm: 2014

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Doanh thu		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A		B	1	2	3
1	B65A	Máy khoan bê tông 65A	35	489,500	17,132,500
2	CN46	Hạt mài Cn 46-60	210	19,485	4,091,850
3	FF02	Máy mài góc FF02	160	336,600	53,856,000
		.....			
		<b>Tổng</b>			<b>1,332,648,282</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Ý kiến 3: Bổ sung các sổ sách, chứng từ hạch toán giá vốn**

Hiện nay Công ty chỉ lập 1 phiếu xuất kho cho toàn bộ lần xuất hàng bán trong tháng mà dựa trên số liệu ở bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn.

Do đó, việc quản lý, đối chiếu hàng tồn kho không thực hiện được. Hơn nữa, khi hạch toán giá vốn bán hàng, kế toán nên hạch toán chi tiết giá vốn của hàng hóa bán ra vì thông qua doanh thu và giá vốn chi tiết, ta có thể xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Đồng thời có theo dõi chi tiết của từng loại mặt hàng bán ra thì doanh nghiệp mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo sức cạnh tranh trên thị trường của công ty. Vì vậy, công ty nên lập phiếu xuất kho cho mỗi lần bán hàng (chỉ ghi lượng không ghi giá xuất) cuối kỳ tính giá vốn bổ sung vào phiếu xuất kho. Mở thêm sổ theo dõi chi tiết hàng hóa, cuối kỳ kế toán tổng hợp chi tiết sang bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn và lập thêm bảng kê giá vốn để làm chứng từ hạch toán giá vốn một lần vào cuối tháng sau đó lập phiếu kê toán ghi giá vốn vào nhật ký chung.

**Ví dụ 2:** Ngày 16 tháng 01 năm 2014 phát sinh nghiệp vụ bán máy mài cho Công ty TNHH đầu tư cơ khí Thái Bình, số tiền 32,633,700 đồng, chưa thuế GTGT 10%, trả bằng chuyển khoản.

Sau khi phát sinh bán hàng kế toán lập phiếu xuất kho (**biểu 3.4**), sau đó cuối kỳ tính toán giá vốn từng mặt hàng và lập sổ chi tiết hàng hóa (**biểu 3.5**), tổng hợp các sổ chi tiết sang bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn (**biểu 3.6**), bảng kê (**biểu 3.7**), phiếu hạch toán (**biểu 3.8**)

**Biểu 3.4**

C.TY TNHH TM CHẤN PHONG  
 Số 78 Tôn Đản–Hồng Bàng–HP  
 MST: 0200609247

**Mẫu số 02 – VT**  
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 16 tháng 01 năm 2014

Số: 16

Nợ: 632

Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Đoàn Thị Tươi      Địa chỉ (bộ phận): Kế toán

Lý do xuất kho: Xuất bán

Xuất kho tại: Cty TNHH TM Chấn Phong

Địa điểm: Số 78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	D	1	2	3	4
1	Máy khoan bê tông 65A	Cái	05	05		
2	Máy mài góc FF02	Cái	10	10		
3	Máy mài góc FF03	Cái	15	15		
4	Máy mài góc FF06	Cái	08	08		
5	Máy mài 9553B	Cái	08	08		
6	Máy nhám MT921	Cái	10	10		
7	Máy mài GH 5010	Cái	02	02		
	<b>Cộng</b>					

Tổng số tiền (viết bằng chữ): .....

Số chứng từ gốc kèm theo: HĐGTGT 0000326

Kế toán

Thủ kho

Thủ trưởng đơn vị

**Biểu 3.5**

Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong  
78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S07-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Năm: 2014

- Tài khoản: 156

Tên quy cách, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Máy mài 9553B

Mã hàng hóa: 953B

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3=2x1	4	5=4x1	6	7=6x1	8
		<b>Số dư đầu tháng 1</b>		<b>635,055</b>					<b>12</b>	<b>7,620,660</b>	
PX	15/1/14	Xuất bán cho Chiến Thắng	632				5				
PN	15/1/14	Mua hàng của Thiên Á	111	690,500	03	2,071,500					
PX	16/1/14	Xuất bán cho Thái Bình	632				8				
		<b>Cộng phát sinh tháng 1</b>		<b>646,144</b>	<b>03</b>	<b>2,071,500</b>	<b>13</b>	<b>8,399,872</b>	<b>2</b>	<b>1,292,288</b>	
		.....									
		Cộng lũy kế									

-Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang ...

-Ngày mở sổ: .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Biểu 3.6**

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chân Phong

Địa chỉ: 78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP NHẬP – XUẤT – TỒN**

Tháng 01 năm 2014

Mã hàng hóa	Tồn đầu kỳ			Nhập trong kỳ			Xuất trong kỳ			Tồn cuối kỳ		
	SL	Đơn giá	Thành tiền	SL	Đơn giá	Thành tiền	SL	Đơn giá	Thành tiền	SL	Đơn giá	Thành tiền
953B	12	635,055	7,620,660	3	690,500	2,071,500	13	646,144	8,399,872	2	646,144	1,292,288
21NB			-	2	2,100,000	4,200,000	-	-	-	2	2,100,000	4,200,000
B65A	20	349,680	6,993,600	-	-	-	5	349,680	1,748,400	15	349,680	5,245,200
CN34			-	50	18,000	900,000	-	-	-	50	18,000	900,000
CN621	15	12,525	187,875	-	-	-	3	12,525	37,575	12	12,525	150,300
CN6178	17	13,250	225,250	-	-	-	12	13,250	159,000	5	13,250	66,250
.....												
<b>Tổng</b>									<b>91,350,110</b>			

Ngày 31 tháng 01 năm 2014

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 3.7**

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chân Phong  
 Địa chỉ: 78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

**BẢNG KÊ GIÁ VỐN**  
*Tháng 1 năm 2014*

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Xuất trong kỳ		
		Số lượng xuất	Đơn giá xuất	Trị giá vốn
953B	Máy mài 9553B	13	646,144	8,399,872
B65A	Máy khoan BT 65A	5	349,680	1,748,400
CN621	V3 Cn 60 TB1 200.10.32	3	12,525	37,575
CN6178	V3 Cn 60 TB1 175.8.32	12	13,250	159,000
	.....			
	<b>Tổng</b>			<b>91,350,110</b>

**Biểu 3.8**

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chân Phong  
 Địa chỉ: 78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

**PHIẾU HẠCH TOÁN**

Số: 01

Ngày 31 tháng 01 năm 2014

Đối tượng: Giá vốn hàng bán

STT	Diễn giải	Tài khoản nợ	Tài khoản có	Số tiền
1	Giá vốn hàng bán tháng 1 năm 2014	632	156	91,350,110
	<b>Cộng</b>			<b>91,350,110</b>

Ngày 31 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

## KẾT LUẬN

Có thể nói rằng, trong nền kinh tế thị trường hiện nay thực hiện chế độ hạch toán kinh tế theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đòi hỏi các doanh nghiệp một mặt phải tự trang trải các khoản chi phí, mặt khác phải thu được lợi nhuận, đảm bảo sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Mục tiêu đó chỉ có thể đạt được trên cơ sở quản lý chặt chẽ các loại tài sản, vật tư, chi phí, quản lý chặt chẽ quá trình tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Với kiến thức đã học từ nhà trường, thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong, được sự giúp đỡ của cán bộ kế toán và cô chú trong Công ty cùng sự hướng dẫn của **Ths. Trần Thị Thanh Thảo**, em đã tìm hiểu về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty. Trên cơ sở chế độ kế toán hiện hành kết hợp với thực tế tại Công ty em đã đề xuất một số biện pháp với mong muốn hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán và góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

Mọi ý kiến em đưa ra đều dựa trên cơ sở thực tế tại Công ty và nội dung chế độ tài chính kế toán ban hành. Tuy nhiên, do trình độ còn hạn chế, kiến thức thực tế còn ít nên chuyên đề của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp của thầy cô cũng như cán bộ kế toán trong Công ty để chuyên đề của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của giảng viên **Ths. Trần Thị Thanh Thảo**, cùng cán bộ kế toán của Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong đã giúp em hoàn thành khóa luận này.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2015

Sinh viên

Tô Hoài Anh

---

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính).
2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
3. Các chứng từ, sổ sách kế toán năm 2014 tại Công ty TNHH Thương mại Chấn Phong
4. Chuẩn mực kế toán Việt Nam  
Website: [www.google.com](http://www.google.com)  
Website: <http://danketuan.com/>
5. Một số khóa luận của anh (chị) khóa trước.